

Số: 01/QĐ-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

QUY ĐỊNH TẠM THỜI

V/v hướng dẫn chi tiết việc rà soát điều chỉnh chuẩn đầu ra; đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo; xây dựng chương trình chuyên sâu đặc thù; xây dựng chương trình chi tiết các học phần đại học và thạc sĩ

Căn cứ Kế hoạch số 21/KH-ĐHCNQN ngày 10 tháng 02 năm 2022 về xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù cấp bằng kỹ sư đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học; Kế hoạch số 22/KH-ĐHCNQN ngày 10 tháng 02 năm 2022 về rà soát, điều chỉnh bổ sung chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ; Kế hoạch số 23/KH-ĐHCNQN ngày 10 tháng 02 năm 2022 về đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình trình độ đào tạo đại học, trình độ đào tạo thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-ĐHCNQN ngày 14 tháng 02 năm 2022 về rà soát, điều chỉnh bổ sung chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh; Quyết định số 66/QĐ-ĐHCNQN ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình chuyên sâu đặc thù; Quyết định số 67/QĐ-ĐHCNQN ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đại học, thạc sĩ; Quyết định số 69/QĐ-ĐHCNQN ngày 18 tháng 02 năm 2022 về thành lập các Tổ đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng; Quyết định số 70/QĐ-ĐHCNQN ngày 18 tháng 02 năm 2022 về thành lập các Tổ đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình trình độ đại học; Quyết định số 73/QĐ-ĐHCNQN ngày 18 tháng 02 năm 2022 về thành lập các tổ xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù của Hiệu trưởng.

Đây là những nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021-2022, là một trong những giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, là cam kết của Nhà trường về chất lượng đào tạo với xã hội, về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp các chương trình đào tạo của trường. Để thống nhất về nội dung, cách thức xây dựng nhằm đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ trong quá trình triển khai thực hiện các kế hoạch trên. Nhà trường tổ chức triển khai hướng dẫn các Khoa, Bộ môn, giảng viên và các Tổ được giao nhiệm vụ thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra các ngành đào tạo; việc tổ chức đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và việc xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù cụ thể như sau:

A. CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHUẨN ĐẦU RA
(Triển khai thực hiện theo 7 bước và áp dụng chung cho cả chuẩn đầu ra của 11 ngành đại học và 02 ngành/chuyên ngành thạc sĩ)

Bước 1. Các Khoa thu thập thông tin, minh chứng

Căn cứ vào chuẩn đầu ra (CĐR) hiện tại của trường, các Khoa quản lý ngành đào tạo tiến hành thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung CĐR các ngành đào tạo (những thay đổi trong quy định của Nhà nước, thay đổi quy định của Nhà trường; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, thay đổi về nội dung chuyên môn ...).

(Thực hiện theo mẫu số A01)

Bước 2. Các Khoa phân tích, đối sánh, đánh giá và xây dựng CĐR

Trên cơ sở nội dung của CĐR các ngành đào tạo đang áp dụng và những thông tin, minh chứng. Các Khoa tiến hành phân tích, đánh giá những thông tin, minh chứng thu thập được làm căn cứ đề xuất điều chỉnh các nội dung CĐR.

(theo mẫu số A02)

Các Khoa tiến hành xây dựng dự thảo CĐR các ngành *(theo mẫu số A03)*.

Bước 3. Khoa tổ chức hội thảo

Các Khoa tổ chức hội thảo rộng rãi *(đây là yêu cầu bắt buộc)* để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, các nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên,... và hoàn thiện CĐR của từng ngành đào tạo.

(Thực hiện theo mẫu số A04)

Bước 4. Lấy ý kiến phản hồi

Các Khoa gửi bản dự thảo CĐR sau khi đã tổ chức hội thảo để lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, cựu sinh viên...

(thực hiện theo mẫu số A05).

Bước 5. Tổ chức họp Hội đồng Khoa học và đào tạo cấp khoa

Hội đồng Khoa học và đào tạo cấp khoa tổ chức họp, bổ sung, hoàn thiện dự thảo CĐR ngành đào tạo trên cơ sở thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên...

(Thực hiện theo mẫu số A06)

Bước 6. Tổ chức hội thảo Hội đồng Khoa học và đào tạo cấp trường

Hội đồng Khoa học và đào tạo cấp trường tổ chức hội thảo để lấy ý kiến đóng góp cho nội dung của các CĐR và thông qua CĐR của tất cả các ngành đào tạo.

(Thực hiện theo mẫu số A07)

Bước 7. Ban hành và công bố CĐR

- Các Khoa hoàn thiện toàn bộ các nội dung CĐR theo góp ý của Hội đồng Khoa học và Đào tạo. Sau đó các Khoa In và chuyển về Phòng Đào tạo bản cứng và bản mềm CĐR của từng ngành theo từng trình độ đào tạo do Khoa quản lý.

- Phòng Đào tạo rà soát, trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành CĐR các ngành đào tạo và phối hợp với Trung tâm Tuyển sinh - Thông tin & Truyền thông công bố công khai CĐR trên website của trường, trên các thông tin và gửi văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo theo đúng quy định.

B. CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ, CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CTĐT

I. QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC

1. Về khối lượng kiến thức toàn khoá

- Nhóm ngành khối Kỹ thuật: 152 tín chỉ (*chưa bao gồm GDQP, GDTT*).
- Nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kế toán, Công nghệ thông tin: tối đa 140 tín chỉ (*chưa bao gồm GDQP, GDTT*).

Ghi chú: Nhóm ngành khối Kỹ thuật bao gồm các ngành: (1) Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; (2) Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; (3) Kỹ thuật mỏ; (4) Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; (5) Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ; (6) Kỹ thuật tuyển khoáng; (7) Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí.

2. Khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, GDQP, GDTC

- Đối với các học phần Lý luận chính trị, pháp luật đại cương khối lượng kiến thức bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối với học phần Giáo dục thể chất: 4 tín chỉ
- Đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: 8 tín chỉ
- Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đối với đại học là bậc 3/6
- Đối với các học phần khác trong khối kiến thức giáo dục đại cương, Nhà trường sẽ có bảng danh mục thống nhất các học phần chung cho các ngành.

3. Thời gian đào tạo

- Nhóm ngành khối Kỹ thuật: 4 năm
- Nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kế toán, CNTT: 4 năm

4. Bằng được cấp sau khi sinh viên tốt nghiệp

- Đối với nhóm ngành khối Kỹ thuật: Bằng kỹ sư
- Đối với nhóm ngành Kinh doanh, TCNH, Kế toán, CNTT: Bằng cử nhân

5. Tổng nhất nội dung chương trình đào tạo

- Khối lượng kiến thức giáo dục đại cương và khối lượng kiến thức cơ sở ngành trong một ngành phải giống nhau (*số lượng học phần, tên học phần, số tín chỉ, nội dung học ... đều phải như nhau*).

- Bố trí các học phần theo từng kỳ đối với khối lượng kiến thức giáo dục đại cương và khối lượng kiến thức cơ sở ngành trong một ngành được bố trí như nhau.

- Phần nội dung kiến thức trong một ngành chỉ khác nhau ở chuyên ngành.

- Phần khối lượng điều chỉnh tăng thêm của nhóm ngành Kỹ thuật cần tập trung vào nội dung học phần thực hành, thực tập; tham quan trải nghiệm.

- Thực hành, thực tập, tham quan được bố trí gọn vào học kỳ 7 hoặc kỳ 8.

II. QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CHUYÊN NGÀNH THẠC SĨ

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

2. Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đối với thạc sĩ là bậc 4/6 (tương đương B2)

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ

4. Thời gian kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo chính quy của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ là 2 năm.

5. Học phần triết học: 3 tín chỉ

6. Học phần tiếng Anh: 4 tín chỉ

7. Đề án tốt nghiệp: 9 tín chỉ

III. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CTĐT

(Thực hiện theo 7 bước và áp dụng quy trình đánh giá chung cho 11 chương trình đào tạo các ngành đại học và 02 ngành/chuyên ngành thạc sĩ)

a) Bước 1: Thu thập thông tin, minh chứng

Các Khoa được giao quản lý các ngành đào tạo tổ chức triển khai việc thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của Nhà nước, thay đổi của Nhà trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần hoặc thay đổi về nội dung chuyên môn, ...).

(Thực hiện theo mẫu B01)

b) Bước 2: Đối sánh, phân tích đánh giá và xây dựng báo cáo

Các Tổ được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ thực hiện việc đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo triển khai họp tổ chức tiến hành việc đánh giá và xây

dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy ...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện;); tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài; dự kiến tác động của việc đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

(Thực hiện theo mẫu B02)

c) Bước 3: Dự thảo nội dung cần điều chỉnh, bổ sung

Các Tổ soạn thảo Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

(Thực hiện theo mẫu số B03)

d) Bước 4. Tổ chức Hội thảo

Các Tổ tiến hành tổ chức hội thảo (*yêu cầu bắt buộc*) đối với các nội dung của chương trình đào tạo (ngoài các thành phần trong Tổ theo quyết định của Hiệu trưởng, Tổ trưởng có thể mời mở rộng thêm đại diện các phòng, giảng viên, cựu sinh viên, đơn vị sử dụng lao động có liên quan đến ngành tham dự).

(Thực hiện theo mẫu số B04)

e) Bước 5: Thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo cấp trường

Các Tổ trình bày bản dự thảo đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình của từng ngành đào tạo để Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua nội dung sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

(Thực hiện theo mẫu số B05)

f) Bước 6. Tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện

Các Tổ tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng khoa học và đào tạo. Đồng thời hoàn thiện chương trình đào tạo và đề nghị Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo) ký quyết định ban hành chương trình đào tạo.

(Thực hiện theo mẫu số B06)

g) Bước 7. Ban hành và công bố CTĐT

- Các Tổ hoàn thiện toàn bộ các nội dung theo Bước 6. Sau đó các Tổ tiến hành In và chuyển về Phòng Đào tạo bản cứng và bản mềm CTĐT của từng ngành.

- Phòng Đào tạo rà soát, trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành CTĐT các ngành và công bố công khai CTĐT trên website của trường theo đúng quy định.

C. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CTĐT CHUYÊN SÂU ĐẶC THÙ

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thực hiện xây dựng chương trình chuyên sâu đặc thù đối với nhóm ngành khối Kỹ thuật bao gồm các ngành: (1) Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; (2) Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; (3) Kỹ thuật mỏ; (4) Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; (5) Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ; (6) Kỹ thuật tuyển khoáng; (7) Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí.

2. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 30 tín chỉ

3. Thời gian đào tạo: 1 năm

4. Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 học kỳ, mỗi học kỳ 15 tín chỉ

5. Chuẩn đầu vào là người học tốt nghiệp đại học cùng ngành, bằng cử nhân

6. Người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo sẽ được cấp bằng Kỹ sư

II. QUY TRÌNH XÂY DỰNG CTĐT CHUYÊN SÂU ĐẶC THÙ

(Thực hiện xây dựng chương trình đào tạo đối với 7 ngành theo 8 bước)

a) Bước 1: Khảo sát xác định nhu cầu nhân lực

Các Khoa có quản lý các ngành kỹ thuật tiến hành khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực cần đào tạo các ngành trình độ đại học cấp bằng kỹ sư; khảo sát nhu cầu người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo.

(Thực hiện theo mẫu C01a; C01b; C01c)

b) Bước 2: Xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các Tổ được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo đặc thù cấp bằng kỹ sư tổ chức triển khai xây dựng mục tiêu đào tạo chương trình và xây dựng chuẩn đầu ra đối với chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù.

c) Bước 3. Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức chương trình

Các Tổ xây dựng chương trình đào tạo xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức chương trình cần thiết của chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

d) Bước 4: Đối sánh chương trình đào tạo cùng trình độ

Các Tổ triển khai thực hiện việc đối sánh, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo đại học khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo.

(Thực hiện theo mẫu C02)

đ) Bước 5: Tổ chức hội thảo

Sau khi triển khai xong việc đối sánh chương trình đào tạo, các tổ thực hiện việc tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp về chương trình đào tạo đại học.

(Thực hiện theo mẫu C03)

e) Bước 6: Thiết kế đề cương chi tiết học phần

Các Tổ triển khai xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù đã xác định.

(Thực hiện theo mẫu D02) dùng chung

g) Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo

Các Tổ hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù của từng ngành trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

(Thực hiện theo mẫu C04)

h) Bước 8: Thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo cấp trường

Sau khi hoàn thiện xong dự thảo chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù của từng ngành, các Tổ trình Hội đồng khoa học và đào tạo của trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng *(Thực hiện theo mẫu C05)*.

D. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

(Triển khai thực hiện theo 7 bước và áp dụng xây dựng chương trình chung cho các học phần thuộc các ngành đại học và các ngành thạc sĩ)

a) Bước 1. Giao nhiệm vụ biên soạn và phản biện chương trình chi tiết

Căn cứ chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt, các Khoa/Bộ môn đề xuất danh sách giảng viên biên soạn, đọc phản biện chương trình chi tiết. Trên cơ sở đề xuất của các Khoa/Bộ môn, Phòng Đào tạo rà soát và soạn thảo Quyết định trình Hiệu trưởng ký giao nhiệm cho các giảng viên của các Khoa/Bộ môn thực hiện việc xây dựng và đọc phản biện tất cả các chương trình chi tiết.

b) Bước 2. Thực hiện việc rà soát, đánh giá nội dung chương trình chi tiết

Giảng viên được giao nhiệm vụ biên soạn chương trình chi tiết nghiên cứu mục tiêu, nội dung yêu cầu của học phần trong chương trình đào tạo và triển khai việc rà soát, phân tích, đánh giá nội dung chương trình chi tiết.

(Thực hiện theo mẫu D01)

c) Bước 3. Giảng viên thực hiện xây dựng chương trình chi tiết

Sau khi thực hiện xong bước 2, giảng viên được giao nhiệm vụ tiến hành biên soạn chương trình chi tiết đảm bảo khối lượng, nội dung kiến thức theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần.

(Thực hiện theo mẫu D02)

d) Bước 4. Phản biện chương trình chi tiết

Sau khi thực hiện xong bước 3, giảng viên được giao nhiệm vụ đọc phản biện chương trình chi tiết có trách nhiệm đánh giá về các mặt: mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung chi tiết về chuyên môn theo từng ý, mục, chương ... của chương trình.

(Thực hiện theo mẫu D03)

e) Bước 5. Tổ chức hội thảo

Căn cứ nội dung chương trình chi tiết đã được xây dựng và ý kiến nhận xét phản biện của giảng viên. Trưởng Bộ môn có trách nhiệm tiến hành tổ chức Hội thảo chuyên môn về nội dung của chương trình chi tiết

(Thực hiện theo mẫu D04)

f) Bước 6. Hoàn thiện nội dung chương trình

Giảng viên được giao nhiệm vụ biên soạn tiếp thu ý kiến và hoàn thiện, bổ sung đầy đủ nội dung theo góp ý của các giảng viên của Bộ môn.

g) Bước 7. In, nộp chương trình chi tiết

Sau khi hoàn thiện bước 6, giảng viên in chương trình chi tiết trình ký Trưởng Bộ môn và Trưởng Khoa. Trưởng Bộ môn có trách nhiệm tập hợp tất cả các chương trình do Bộ môn quản lý và chuyển bản cứng, bản mềm về Phòng Đào tạo.

Phòng Đào tạo có trách nhiệm rà soát và trình Hiệu trưởng phê duyệt quyết định công nhận chương trình chi tiết của tất cả các ngành để áp dụng đào tạo.

E. QUY ĐỊNH VỀ SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Yêu cầu về định dạng văn bản

Tất cả các văn bản, tài liệu, minh chứng phải được xây dựng trên khổ giấy A4; sử dụng phông chữ Times New Roman; cỡ chữ 13 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,3 lines.

2. Quy định về căn lề trang giấy như sau:

Lề trên	2 cm	Lề trái	3 cm
Lề dưới	2 cm	Lề phải	2 cm

3. Quy định đánh số trang

Số trang được đánh ở giữa, phía dưới mỗi trang giấy. Không gạch ngang hoặc để các tít ở đầu mỗi trang. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang.

F. QUY ĐỊNH CÁC MỐC THỜI GIAN HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC

I. MỐC THỜI GIAN HOÀN THÀNH CHUNG

Các Khoa, Bộ môn, các giảng viên và các Tổ được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành các công việc với mốc thời gian cụ thể như sau:

TT	Nội dung thực hiện	Mốc thời gian hoàn thành công việc	Ghi chú
1	Rà soát, điều chỉnh bổ sung chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ	Xong trước 30/4/2022	Theo KH số 22/KH-ĐHCNQN
2	Đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học và chương trình đào tạo các ngành trình độ thạc sĩ	Xong trước 10/5/2022	Theo KH số 23/KH-ĐHCNQN
3	Xây dựng chương trình đào tạo các ngành chuyên sâu đặc thù	Xong trước 20/5/2022	Theo KH số 21/KH-ĐHCNQN
4	Xây dựng chương trình chi tiết ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù	Xong trước 30/7/2022	
5	Xây dựng chương trình chi tiết đối với các chương trình đào tạo đại học và chương trình đào tạo thạc sĩ đã được đánh giá, cải tiến		
5.1	Đối với các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương	Xong trước 30/6/2022	Theo KH số 23/KH-ĐHCNQN
5.2	Đối với các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	Xong trước 20/10/2022	Theo KH số 23/KH-ĐHCNQN

II. CHÚ Ý MỐC THỜI GIAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

TT	Nội dung thực hiện	Mốc thời gian hoàn thành công việc	Ghi chú
1	Các Khoa tổ chức hội thảo rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ	<i>Từ 21/3/2022 đến 26/3/2022</i>	<i>Các Khoa quản lý ngành đào tạo thực hiện</i>
2	Tổ chức hội thảo đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học và chương trình đào tạo thạc sĩ	<i>Từ 11/4/2022 đến 18/4/2022</i>	<i>Các Tổ đánh giá chương trình thực hiện</i>
3	Tổ chức Hội thảo chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù	<i>Từ 20/4/2022 đến 25/4/2022</i>	<i>Các Tổ XDCT thực hiện</i>

E. HOÀN THIỆN HỒ SƠ THỦ TỤC NỘP VỀ PHÒNG ĐÀO TẠO

Các Khoa, Bộ môn, các giảng viên và các Tổ được giao nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện thủ tục hồ sơ, minh chứng, tài liệu liên quan và nộp về đơn vị thường trực là Phòng Đào tạo đảm bảo đúng, đầy đủ các danh mục cụ thể như sau:

I. Tài liệu về điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra (tổng 7 tài liệu)

1. Báo cáo tổng hợp thu thập thông tin, minh chứng từng ngành (mẫu số A01).
2. Bản tổng hợp phân tích, đối sánh chuẩn đầu ra từng ngành (mẫu số A02).
3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của từng ngành (mẫu số A03).
4. Biên bản hội thảo chuẩn đầu ra của Khoa từng ngành (mẫu số A04).
5. Công văn ý kiến góp ý của các doanh nghiệp từng ngành (mẫu số A05).
6. Biên bản hội thảo chuẩn đầu ra của hội đồng Khoa học cấp Khoa (mẫu số A06).
7. Biên bản hội thảo chuẩn đầu ra của hội đồng KHĐT cấp trường (mẫu số A07).

II. Tài liệu về đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình (tổng 6 tài liệu)

1. Báo cáo tổng hợp thu thập thông tin, minh chứng đánh giá chương trình của từng ngành đào tạo (mẫu số B01).
2. Tổng hợp phân tích, đối sánh, đánh giá CTĐT của từng ngành (mẫu số B02).
3. Dự thảo những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung của từng ngành (mẫu số B03).
4. Biên bản hội thảo chương trình đào tạo của từng ngành (mẫu số B04).
5. Biên bản họp thông qua CTĐT của hội đồng KHĐT cấp trường (mẫu số B05).
6. Chương trình đào tạo của từng ngành đào tạo (mẫu số B06).

III. Tài liệu về xây dựng chương trình chuyên sâu đặc thù (tổng 5 tài liệu)

1. Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo nhân lực bằng kỹ sư (Mẫu C01a, C01b, C01c).
2. Tổng hợp phân tích, đối sánh CTĐT của từng ngành (mẫu số C02).
3. Biên bản hội thảo chương trình chuyên sâu đặc thù từng ngành (mẫu số C03).
4. Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù của từng ngành (mẫu số C04).
5. Biên bản họp Hội đồng KHĐT cấp trường thông qua CTĐT (mẫu số C05).

IV. Tài liệu về xây dựng chương trình chi tiết (tổng 4 tài liệu)

1. Báo cáo rà soát, đánh giá nội dung từng chương trình chi tiết (mẫu số D01).
2. Chương trình chi tiết dùng chung cho tất cả các học phần (mẫu số D02).
3. Bản nhận xét phản biện của từng chương trình chi tiết (mẫu số D03).
4. Biên bản hội thảo từng chương trình chi tiết của Bộ môn (mẫu số D04).

Chú ý: Đối với chương trình chi tiết các học phần thì Trưởng Bộ môn phải có trách nhiệm tập hợp tất cả các chương trình chi tiết thuộc Bộ môn quản lý. Trưởng Bộ môn trực tiếp nộp bản cứng về Phòng Đào tạo (tập hợp nộp theo từng Bộ môn, không nộp theo từng cá nhân) để trình Hiệu trưởng phê duyệt. Đồng thời nộp file điện tử gửi theo địa chỉ Email: trangqn1981@gmail.com.

Hiệu trưởng yêu cầu Trưởng các Khoa đào tạo đôn đốc, chỉ đạo các Bộ môn, giảng viên và các Tổ thuộc đơn vị mình được giao nhiệm vụ triển khai nghiêm túc, thực hiện đúng, đầy đủ nội dung, đảm bảo chất lượng tiến độ theo yêu cầu của quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc thì trưởng các đơn vị tập hợp ý kiến báo cáo Hiệu trưởng (qua Phòng Đào tạo) để xử lý giải quyết kịp thời các công việc đảm bảo đúng mốc thời gian đã quy định./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu (02);
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Lưu VT, ĐT (03).



TS. Hoàng Hùng Thắng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
KHOA:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG HỢP
THU THẬP THÔNG TIN, MINH CHỨNG ĐỂ ĐIỀU CHỈNH CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH ĐÀO TẠO:
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 22/KH-ĐHCNQN ngày 10/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh bổ sung chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ. Khoa đã tổ chức triển khai tiến hành thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra của ngành đào tạo: nội dung cụ thể như sau:

1. Về những thay đổi trong quy định của Nhà nước

2. Những thay đổi trong quy định của Nhà trường

3. Về những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành

4. Thay đổi về các vấn đề kinh tế xã hội, phản hồi của các bên liên quan

5. Những thay đổi học phần hoặc thay đổi về nội dung chuyên môn

6. Những nội dung thay đổi khác (nếu có)

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BẢN TỔNG HỢP PHÂN TÍCH, ĐỐI SÁNH, ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA

NGÀNH ĐÀO TẠO:

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 22/KH-ĐHCNQN ngày 10/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh bổ sung chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ. Khoa tiến hành phân tích, đối sánh, đánh giá chuẩn đầu ra của ngành đào tạo: nội dung như sau:

TT	Các yêu cầu chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra hiện tại của trường	Chuẩn đầu ra của trường khác	Minh chứng thu nhập	Đề xuất điều chỉnh
1	Yêu cầu chuẩn về kiến thức				
2	Yêu cầu chuẩn về kỹ năng				
3	Chuẩn về thái độ				
4	Mức tự chủ và trách nhiệm				
5	Vị trí làm việc của người học khi tốt nghiệp				

Ghi chú: Chuẩn đầu ra của trường khác để đối sánh phải cùng ngành và cùng trình độ.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH:

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNQN ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

1. Tên ngành đào tạo

1.1. Tên tiếng việt:

1.2. Tên tiếng Anh:

2. Mã ngành:

3. Trình độ đào tạo:

4. Chuẩn đầu ra:

4.1. Yêu cầu chuẩn về kiến thức: (tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp)

4.2. Yêu cầu chuẩn về kỹ năng: (Kỹ năng cứng: Kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, ... Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, sử dụng ngoại ngữ, tin học, ...).

4.3. Chuẩn về thái độ (Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân. Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ. Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc).

4.4. Mức tự chủ và trách nhiệm

4.5. Vị trí làm việc của người học khi tốt nghiệp

4.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

4.7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng

BIÊN BẢN HỘI THẢO CHUẨN ĐẦU RA CẤP KHOA**NGÀNH ĐÀO TẠO:****TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:**

1. Thời gian: vào hồih phút ngày tháng năm 2022

2. Địa điểm: Tại Phòng

3. Thành phần tham dự:

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Ghi chú
1			
2			
3			
.			
.			

Chủ trì: Đ/c Trưởng Khoa

Thư ký: Đ/c Giảng viên Khoa

4. Nội dung hội thảo

4.1. Đồng chí Trưởng Khoa

- Khái quát chung các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng, điều chỉnh bổ sung chuẩn ra của Bộ Giáo dục và nội dung kế hoạch điều chỉnh chuẩn đầu ra của trường.

- Trình bày toàn bộ nội dung bản dự thảo chuẩn đầu ra ngành

.....

4.2. Các ý kiến tham gia của các thành viên:

(Góp ý về các nội dung: kiến thức, kỹ năng, thái độ; mức tự chủ và trách nhiệm; vị trí làm việc của người học khi tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo)

(1). Đồng chí nghề nghiệp/chức vụ/đơn vị công tác

.....

(2). Đồng chí nghề nghiệp/chức vụ/đơn vị công tác

.....

(3). Đồng chí nghề nghiệp/chức vụ/đơn vị công tác

.....
.....
(n). Đồng chí nghề nghiệp/chức vụ/đơn vị công tác
.....

4.3. Đồng chí Trưởng Khoa
đánh giá, tiếp thu các ý kiến và thống nhất các nội dung sau:

a. Đánh giá chung:
.....
.....
.....

b. Những nội dung đã đảm bảo yêu cầu
.....
.....
.....

c. Những nội dung còn hạn chế của chuẩn đầu ra
.....
.....
.....

d. Những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung vào Dự thảo chuẩn đầu ra
.....
.....
.....

Biên bản được lập và kết thúc vào lúch phút cùng ngày. Tất cả các thành viên đều đồng ý, nhất trí và cùng thống nhất thực hiện.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN ĐƠN VỊ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-.....

....., ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Phúc đáp Công văn số /CV-ĐHCNQN ngày.... tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc góp ý cho bản dự thảo chuẩn đầu ra của ngành: trình độ đào tạo

Sau khi nghiên cứu bản Dự thảo chuẩn đầu ra, chúng tôi có ý kiến sau:

1. Đánh giá chung về chuẩn đầu ra

(đánh giá các mặt về nội dung: kiến thức, kỹ năng, thái độ; mức tự chủ và trách nhiệm; vị trí làm việc của người học khi tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo)

.....

.....

.....

2. Những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung

.....

.....

.....

3. Những đề xuất, kiến nghị

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY

(Ký, đóng dấu)

BIÊN BẢN HỘI THẢO CHUẨN ĐẦU RA**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC KHOA:****NGÀNH ĐÀO TẠO:****TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:**

1. Thời gian: vào hồih phút ngày tháng năm 2022
2. Địa điểm: Tại Phòng
3. Thành phần Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa tham dự:

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Ghi chú
1			
2			
3			
.			
.			
.			

Chủ trì: Đ/c Chủ tịch Hội đồng

Thư ký: Đ/c Ủy viên thư ký Hội đồng

4. Nội dung hội thảo

4.1. Đồng chí Chủ tịch Hội đồng

- Thông qua nội dung bản dự thảo chuẩn đầu ra ngành

- Phân tích ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên...

4.2. Các ý kiến tham gia của các thành viên trong Hội đồng:

(1). Đồng chí chức vụ/đơn vị công tác

.....

(2). Đồng chí chức vụ/đơn vị công tác

.....

(3). Đồng chí chức vụ/đơn vị công tác

.....

.....

(n). Đồng chí chức vụ/đơn vị công tác

.....

4.3. Đồng chí Chủ tịch Hội đồng đánh giá, tiếp thu các ý kiến và thống nhất các nội dung sau:

a. Đánh giá chung:

.....

b. Những nội dung đã đảm bảo yêu cầu

.....

c. Những nội dung đề nghị Khoa phải điều chỉnh, bổ sung như sau:

(1).....

(2).....

(3).....

(n).....

Biên bản được lập và kết thúc vào lúch phút cùng ngày. Tất cả các thành viên đều đồng ý, nhất trí và cùng thống nhất thực hiện.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BIÊN BẢN HỌP THÔNG QUA CHUẨN ĐẦU RA (CẤP TRƯỜNG)**NGÀNH ĐÀO TẠO:****TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:**

1. Thời gian: vào hồih phút ngày tháng năm 2022
2. Địa điểm: Tại Phòng
3. Thành phần Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Ghi chú
1			
2			
3			
.			
.			
.			

Chủ trì: Đ/c Chủ tịch Hội đồng

Thư ký: Đ/c Ủy viên thư ký Hội đồng

4. Nội dung cuộc họp

4.1. Đồng chí Chủ tịch Hội đồng

- Khái quát chung các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng, điều chỉnh bổ sung chuẩn ra của Bộ Giáo dục và nội dung kế hoạch điều chỉnh chuẩn đầu ra của trường.

- Đại diện Khoatrình bày toàn bộ nội dung bản dự thảo chuẩn đầu ra ngành sau khi đã được bổ sung ý kiến.

4.2. Các ý kiến tham gia của các thành viên trong Hội đồng:

(1). Đồng chí chức vụ/đơn vị công tác

.....

(2). Đồng chí chức vụ/đơn vị công tác

.....

(3). Đồng chí chức vụ/đơn vị công tác

.....

(n). Đồng chí chức vụ/đơn vị công tác

4.3. Đồng chí Chủ tịch Hội đồng đánh giá, tiếp thu các ý kiến và thống nhất các nội dung sau:

a. Đánh giá chung:

b. Những nội dung đã đảm bảo yêu cầu

c. Những nội dung đề nghị Khoa chỉnh, bổ sung (nếu có).

(1).....

(2).....

(3).....

(n).....

Biên bản được lập và kết thúc vào lúch phút cùng ngày. Tất cả các thành viên đều đồng ý, nhất trí và cùng thống nhất thực hiện.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số: B01

TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
KHOA:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG HỢP
THÔNG TIN, MINH CHỨNG ĐÁNH GIÁ, CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CTĐT
NGÀNH ĐÀO TẠO:
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 23/KH-ĐHCNQN ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình trình độ đại học, thạc sĩ năm 2022. Khoa đã tổ chức triển khai tiến hành việc thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành: nội dung cụ thể như sau:

1. Những thay đổi trong quy định của Nhà nước

2. Những thay đổi trong quy định của Nhà trường

3. Những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành

4. Thay đổi về các vấn đề kinh tế xã hội, phản hồi của các bên liên quan

5. Những thay đổi học phần hoặc thay đổi về nội dung chuyên môn

6. Những nội dung thay đổi khác (nếu có)

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

KHOA:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**TỔNG HỢP PHÂN TÍCH, ĐỐI SÁNH, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NGÀNH ĐÀO TẠO: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 23/KH-ĐHCNQN ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình trình độ đại học, thạc sĩ năm 2022. Khoa tiến hành phân tích, đối sánh, đánh giá CTĐT của ngành: nội dung như sau:

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh			Trường Đại học:		Trường Đại học:	
STT	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)
I. Kiến thức đại cương		(+)	I. Kiến thức đại cương	(+)	I. Kiến thức đại cương	(+)
1. Kiến thức chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội		(+)	1. Kiến thức chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội	(+)	1. Kiến thức chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội	(+)
1						
2						
.						
2. Kiến thức toán và khoa học tự nhiên		(+)	2. Kiến thức toán và khoa học tự nhiên	(+)	2. Kiến thức toán và khoa học tự nhiên	(+)
1						
2						
.						
3. Tiếng anh		(+)	3. Tiếng anh	(+)	3. Tiếng anh	(+)
1						
2						
.						

4. Giáo dục thể chất		(+)	4. Giáo dục thể chất		(+)	4. Giáo dục thể chất		(+)
1								
2								
.								
5. Giáo dục Quốc phòng		(+)	5. Giáo dục Quốc phòng		(+)	5. Giáo dục Quốc phòng		(+)
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		(+)	II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		(+)	II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		(+)
II.1. Kiến thức cơ sở ngành		(+)	II.1. Kiến thức cơ sở ngành		(+)	II.1. Kiến thức cơ sở ngành		(+)
1								
2								
.								
	Tự chọn							
II.2. Kiến thức chuyên ngành, thực tập, đồ án tốt nghiệp		(+)	II.2. Kiến thức chuyên ngành, thực tập, đồ án tốt nghiệp		(+)	II.2. Kiến thức chuyên ngành, thực tập, đồ án tốt nghiệp		(+)
1								
2								
.								
	Tự chọn							
n	Thực tập doanh nghiệp	(+)	Thực tập doanh nghiệp	(+)	Thực tập doanh nghiệp	(+)	Thực tập doanh nghiệp	(+)
n+1	Đồ án tốt nghiệp	(+)	Đồ án tốt nghiệp	(+)	Đồ án tốt nghiệp	(+)	Đồ án tốt nghiệp	(+)
TỔNG CỘNG		(+)		(+)			(+)	(+)

Ghi chú: (1). Chọn trường đối sánh phải cùng ngành và cùng trình độ đào tạo, tối thiểu 02 trường; (2) Tất cả các dòng có ô đánh dấu (+) phải cộng tổng khối lượng kiến thức theo từng mục nội dung.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022
TỔ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
KHOA:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DỰ THẢO NỘI DUNG CẦN SỬA ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CTĐT
NGÀNH ĐÀO TẠO:
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:**

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 23/KH-ĐHCNQN ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình trình độ đại học, thạc sĩ năm 2022. Tổ triển khai xây dựng Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành: cụ thể như sau:

1. Những nội dung cần sửa đổi

.....
.....
.....
.....
.....

2. Những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung

.....
.....
.....
.....
.....

3. Những nội dung cần cải tiến, cập nhật mới

.....
.....
.....
.....
.....

Ghi chú: Phải ghi rõ, chi tiết, cụ thể và đầy đủ những nội liên quan đến việc cần phải sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

TỔ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

KHOA:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN HỘI THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO****NGÀNH ĐÀO TẠO:****TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:***(dùng cho các Tổ đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình)*

1. Thời gian: vào hồih phút ngày tháng năm 2022

2. Địa điểm: Tại Phòng

3. Thành phần tham dự: Toàn bộ Tổ đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo theo Quyết định số 69/QĐ-ĐHCNQN ngày 18 tháng 02 năm 2022.

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Có mặt; vắng mặt, lý do vắng
1			
2			
3			
.			
.			
.			

Chủ trì: Đ/c Tổ trưởng

Thư ký: Đ/c Thư ký tổ

4. Nội dung hội thảo

4.1. Đồng chí Tổ trưởng tổ

- Khái quát chung các văn bản hướng dẫn về việc đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và nội dung kế hoạch đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo của Nhà trường.

- Trình bày toàn bộ nội dung bản dự thảo chương trình đào tạo

4.2. Các ý kiến tham gia của các thành viên:

(1). Đồng chí

.....

(2). Đồng chí

.....
.....
(3). Đồng chí

.....
(n). Đồng chí

4.3. Đồng chí Tổ trưởng tiếp thu các ý kiến và thống nhất các nội dung sau:

a. Đánh giá chung:

.....
.....
.....
b. Những nội dung đã đảm bảo yêu cầu

.....
.....
c. Những nội dung còn hạn chế của chương trình đào tạo

.....
d. Những nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

.....
.....
.....
Biên bản được lập và kết thúc vào lúch phút cùng ngày. Tất cả các thành viên đều đồng ý, nhất trí và cùng thống nhất thực hiện.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BIÊN BẢN HỌP THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CẤP TRƯỜNG)**NGÀNH ĐÀO TẠO:****TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:***(dùng cho Hội đồng khoa học và đào tạo cấp trường)*

1. Thời gian: vào hồih phút ngày tháng năm 2022
2. Địa điểm: Tại Phòng
3. Thành phần Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Có mặt; vắng mặt, lý do vắng
1			
2			
3			
.			
.			
.			

Chủ trì: Đ/c Chủ tịch Hội đồng

Thư ký: Đ/c Ủy viên thư ký Hội đồng

4. Nội dung cuộc họp

4.1. Đồng chí Chủ tịch Hội đồng

- Khái quát chung về mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo của Nhà trường.

- Đại diện Tổ trình bày toàn bộ nội dung bản dự thảo chương trình đào tạo ngành

4.2. Các ý kiến tham gia của các thành viên trong Hội đồng:

(1). Đồng chí

.....

(2). Đồng chí

.....

(3). Đồng chí

(n). Đồng chí

4.3. Đồng chí Chủ tịch Hội đồng đánh giá, tiếp thu các ý kiến và thống nhất các nội dung sau:

a. Đánh giá chung:

b. Những nội dung đã đảm bảo yêu cầu

c. Những nội dung đề nghị Tổ chỉnh sửa, bổ sung như sau.

(1).....

(2).....

(3).....

(n).....

Biên bản được lập và kết thúc vào lúch phút cùng ngày. Tất cả các thành viên đều đồng ý, nhất trí và cùng thống nhất thực hiện.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ

Ngành đào tạo:

Mã ngành:

Quảng Ninh 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNQN ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

Tên chương trình:

Ngành đào tạo:

Tên tiếng Anh (tên ngành):

Mã ngành:

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo trang bị cho người tốt nghiệp:

- A.
- B.
- C.
- E.
- F.
- .
- .

Sau khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên ngành có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm tốt, có thể tự thành lập các đơn vị doanh nghiệp trong lĩnh vực.....; có đủ khả năng làm việc ở các lĩnh vực liên quan..... Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc tại các đơn vị trực thuộc các Bộ ngành liên quan (Bộ ...; Sở; Phòng.....;) và các đơn vị sự nghiệp như: Các Tập đoàn, Tổng cục, Tổng công ty, Công ty; các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ liên quan đến

II. CHUẨN ĐẦU VÀO

2.1. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo đại học:

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

2.2. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ:

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ đối với chuyên ngành là người học phải tốt nghiệp đại học ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh phải có được:

1. Kiến thức cơ sở chuyên môn vững chắc để thích ứng tốt với những công việc khác nhau như:

1.1. *Áp dụng kiến thức cơ sở toán, vật lý, tin học trong mô tả, tính toán và triển khai công tác nghiên cứu giải các bài toán mô hình*

1.2. *Áp dụng kiến thức cơ sở lý thuyết chuyên môn trong nghiên cứu, phân tích và giải quyết các vấn đề*

1.3. *Áp dụng kiến thức cốt lõi và chuyên sâu*

1.n.

2. Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp:

2.1. Có được khả năng lập luận phân tích và giải quyết độc lập các vấn đề.....;

2.2. Có được các kỹ năng tự lập tiến hành các thử nghiệm, nghiên cứu chế tạo; có được các kỹ năng khám phá những vấn đề, tri thức mới

2.3. Có được cách tư duy hệ thống, logic khi giải quyết một vấn đề chuyên môn cụ thể và có được các kỹ năng tư duy phê bình trong quá trình làm việc nhóm;

2.4. Phát triển được tính năng động, sáng tạo và nghiêm túc trong quá trình học tập và làm việc;

2.5. Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp;

2.6. Có những hiểu biết các vấn đề đương đại và ý thức học suốt đời.

2.n.

3. Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế:

3.1. Có kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc theo nhóm, tổ (đa ngành);

3.2. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại;

3.3. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc, đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

3.4. Kỹ năng tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản, các phần mềm chuyên môn.

3.n.

[illegible]

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

04 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ: tín chỉ

(không kể học phần giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng và An ninh)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

5.1. Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

5.2. Người tốt nghiệp đại học các ngành khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoặc của các trường đại học khác có thể học chương trình thứ hai theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

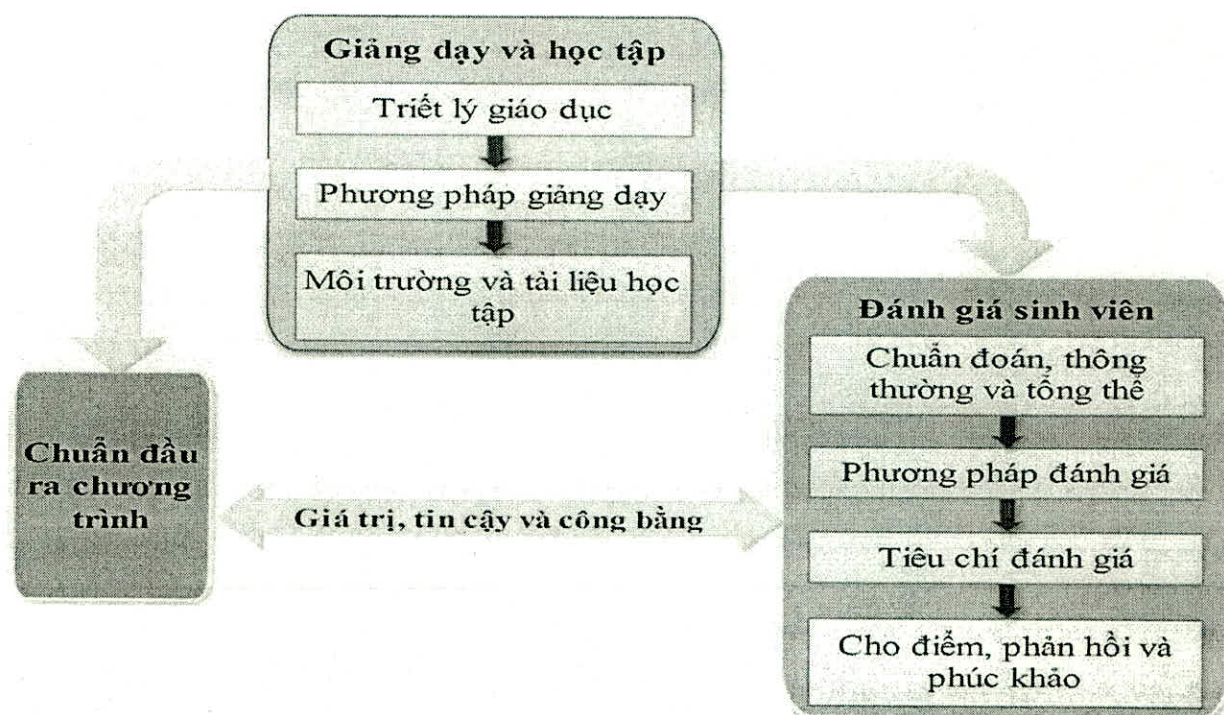
6. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và các văn bản hiện hành.

VII. KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, việc đánh giá đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài kiểm tra ngắn, bài tiểu luận, bài thi thực hành, tham quan doanh nghiệp, thực tập doanh nghiệp, đo lường trong phòng thí nghiệm, bài trình bày, ... Chuẩn đánh giá là các rubrics học phần, gồm rubrics thang điểm, rubrics phân tích và một số rubrics tổng hợp và đáp án môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo qui trình [Hình 1].



Hình 1. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên

7.2. Cách tính điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 sử dụng cho điểm thành phần của học phần.

Thang điểm 10			Điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
8,5	÷	10	A	4,0	Đạt
7,0	÷	8,4	B	3,0	
5,5	÷	6,9	C	2,0	
4,0	÷	5,4	D	1,0	
Dưới 4,0			F	0	Không đạt

7.3. Rubric đánh giá

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Học phần: Thực tập tốt nghiệp

Loại hình đánh giá: Đánh giá kỹ năng Báo cáo thực tập (dành cho Báo cáo hội đồng)

a. Sau khi hoàn thành thực tập tốt nghiệp sinh viên cần phải đạt được:

➤ 1. Yêu cầu về báo cáo thực tập tốt nghiệp:

❖ 1.1. Để được chấm báo cáo, sinh viên phải trình bày báo cáo thực tập tốt nghiệp đúng theo mẫu của Bộ môn. nếu không đúng yêu cầu, báo cáo của sinh viên sẽ không được chấm điểm. Nếu trình bày khác mẫu cần phải nêu lý do tại sao lại trình bày khác mẫu.

❖ 1.2. Trình bày theo mẫu gồm:

- Trình bày đúng font chữ và cách căn chỉnh lề
- Trình bày đúng theo cấu trúc và format
- Trình bày đúng nội dung của từng mục

➤ 2. Yêu cầu về kỹ năng mềm

- ❖ 2.1. Có kỹ năng viết một báo cáo thực tập
- ❖ 2.2. Có kỹ năng trình bày slide và thuyết trình một báo cáo thực tập
- ❖ 2.3. Có kỹ năng làm việc theo nhóm đi thực tập cùng một nơi
- ❖ 2.4. Có kỹ năng trả lời các câu hỏi

b. Đánh giá báo cáo thực tập

1. Điểm thuyết trình (2 điểm)		
1.1. Cách trình bày slide (1 điểm)		
0.5 điểm	0.5 điểm	1 điểm
Slide không sử dụng hình ảnh, chỉ toàn chữ	Slide có sử dụng hình ảnh, biểu đồ. Tuy nhiên phần chữ vẫn còn nhiều	Slide được trình bày hợp lý, đẹp mắt. Slide có nhiều hình ảnh.

1.2. Cách trình bày báo cáo của sinh viên (1 điểm) (mỗi phần tích 0.5 điểm)			
1.2.1. Sinh viên trình bày đúng thời gian quy định			<input type="checkbox"/>
1.2.2. Sinh viên khi trình bày có sử dụng ngôn ngữ cơ thể và giao tiếp ánh mắt với người nghe, hấp dẫn và thu hút người nghe.			<input type="checkbox"/>
2. Điểm báo cáo (2 điểm)			
0.5 điểm Trong báo cáo sinh viên chỉ trình bày được nội dung của 1 phần trong tổng số các phần theo yêu cầu	1 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày được nội dung của 2 phần trong tổng số các phần theo yêu cầu	1.5 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày được nội dung của 3 phần trong các phần theo yêu cầu	2 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày được nội dung của tất cả các phần theo yêu cầu
3. Sinh viên trình bày về các công việc đang được thực hiện ở công ty có liên quan đến ngành học của mình (2 điểm)			
3.1. Sinh viên trình bày các công việc đang được thực hiện ở công ty có liên quan đến ngành học của mình (1 điểm)			
0.25 điểm Các công việc sinh viên đưa ra không phù hợp với ngành đào tạo	0.5 điểm Các công việc sinh viên đưa ra có phù hợp với ngành đào tạo	1 điểm Các công việc sinh viên đưa ra hoàn toàn phù hợp với ngành đào tạo	
3.2. Sinh viên liên hệ các công việc đó với những kiến thức/môn học đã được học (công việc nào cần kiến thức của môn học nào) (1 điểm)			
0.25 điểm Sinh viên chưa liên hệ được giữa công việc và kiến thức/môn học đã được học	0.5 điểm Mối liên hệ được giữa công việc và kiến thức/môn học đã được học được sinh viên đưa ra chưa hợp lý	1 điểm Mối liên hệ được giữa công việc và kiến thức/môn học đã được học được sinh viên đưa ra hoàn toàn hợp lý	
4. Sinh viên đưa ra ý kiến, cảm nhận của mình về các công việc đã tìm hiểu hoặc được giới thiệu ở công ty (2 điểm)			
4.1. Sinh viên đưa ra ý kiến về công việc mình muốn được/có thể đảm nhận ở công ty thực tập (nếu sinh viên cảm thấy không có công việc nào phù hợp với mình thì đưa ra lý do tại sao) (1 điểm)			
0 điểm Sinh viên không cảm thấy có công việc phù hợp và cũng không nêu lý do hoặc không đưa ra ý kiến		1 điểm Sinh viên đưa ra được sự lựa chọn công việc cho mình và đưa ra lý do mình chọn hoặc sinh viên không cảm thấy có công việc phù	

		hợp và đưa ra lý do hợp lý
4.2. Sinh viên tự đưa ra đánh giá khả năng mình có đáp ứng được yêu cầu của công việc hay không; Nếu thấy mình chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, đưa ra các yếu tố còn thiếu của mình để đáp ứng được công việc (1 điểm)		
0 điểm Sinh viên không đưa ra được lý do hay giải thích về việc mình có khả năng đáp ứng được nhu cầu công việc mà mình chọn hay không	1 điểm Sinh viên đưa ra được các đánh giá khả năng đáp ứng công việc của mình hoặc đưa ra đánh giá về các yếu tố còn thiếu của mình để đáp ứng được công việc	
5. Sinh viên trình bày về hướng nghiên cứu dự kiến của luận văn tốt nghiệp của mình (2 điểm)		
5.1. Hướng nghiên cứu dự kiến phù hợp với ngành, với tài liệu đã thu thập được (1 điểm)		<input type="checkbox"/>
5.2. Hướng nghiên cứu dự kiến của sinh viên phù hợp với định hướng chuyên sâu và có tính thời sự (1 điểm)		<input type="checkbox"/>

RUBRIC ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Học phần: Đồ án tốt nghiệp

Loại hình đánh giá: Rubric đánh giá nội dung đồ án

(dành cho GVHD, GVPB và báo cáo hội đồng)

a. Sau khi hoàn thành Đồ án tốt nghiệp sinh viên phải đạt được những yêu cầu sau:

1. Yêu cầu về quyển Đồ án:

1.1. Để được chấm, bảo vệ Đồ án tốt nghiệp, sinh viên phải trình bày Đồ án đúng theo mẫu, đáp ứng các yêu cầu chất lượng nội dung Đồ án của Bộ môn và được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn, nếu không Đồ án của sinh viên sẽ không được chấm điểm. Nếu trình bày khác mẫu, nội dung chưa đáp ứng yêu cầu cần phải nêu lý do.

1.2 Trình bày theo mẫu gồm:

- Trình bày đúng font chữ và các cách căn chỉnh lề
- Trình bày đúng theo cấu trúc và format
- Trình bày đúng nội dung của từng mục
- Chất lượng các nội dung phải đáp ứng yêu cầu của Bộ môn

2. Yêu cầu chuẩn đầu ra:

VD:

2.1. Tổng hợp, phân tích, xử lý và đánh giá được các điều kiện địa lý tự nhiên, kinh tế xã hội liên quan và ảnh hưởng ở một vùng cụ thể.

2.2. Biết tìm hiểu, lựa chọn và áp dụng phương pháp đánh giá... hợp lý và khả thi. Các kết quả đạt được phù hợp với thực tiễn, có độ tin cậy, rõ ràng và đạt được mục tiêu yêu cầu.

2.3. Các phân tích, luận giải có cơ sở khoa học và thực tiễn để đưa ra các phương án thiết kế thi công các hạng mục nghiên cứu, đánh giá, khai thác, sử dụng, quản lý và phát triển;

2.4. Các phương án thiết kế thi công có hiệu quả cao, có khả năng áp dụng vào thực tế, có khả năng phát triển và nhân rộng;

2.5. Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản, các phần mềm chuyên môn trong việc giải quyết các vấn đề của đồ án tốt nghiệp; Có được các kỹ năng tìm hiểu, tham khảo các tài liệu liên quan, nhất là tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài.

2.n.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b. Đánh giá đồ án tốt nghiệp (GVHD, GVPB)

1. Đồ án có được trình bày theo mẫu – mục 1 (1,0 điểm) (mỗi mục nhỏ 0.25 điểm)			
1.1. Nội dung của các mục trong trang thông tin kết quả nghiên cứu có rõ ràng và phù hợp với tiêu đề các mục			<input type="checkbox"/>
1.2. Chất lượng ngôn ngữ, văn phong sử dụng trong đồ án là tốt			<input type="checkbox"/>
1.3. Không có nhiều lỗi trình bày về hình, bảng và chính tả			<input type="checkbox"/>
1.4. Hình ảnh được sử dụng trong đồ án được trình bày hợp lý, đẹp và rõ ràng và phù hợp với nội dung cần minh họa			<input type="checkbox"/>
2. Phần I - Có kiến thức về đặc điểm chung một lĩnh vực trong ngành (2 điểm) – mục 2.1.			
0,5 điểm Kiến thức được đưa vào một cách qua loa, không chọn lọc và chủ yếu là copy and paste	1,0 điểm Kiến thức được đưa vào có chọn lọc nhưng chủ yếu là copy and paste	1,5 điểm Kiến thức được đưa vào có chọn lọc và được viết lại theo ngôn ngữ của sinh viên	2,0 điểm Kiến thức được đưa vào có chọn lọc và được viết lại theo ngôn ngữ của sinh viên. Ngoài ra có các nhận xét của sinh viên cho từng phần
3. Phần II: Phần chuyên môn – Phân tích, đánh giá (2,0 điểm) (mục 2.1, 2.2 và 2.4)			
3.1. Phương pháp đưa ra để giải quyết vấn đề có hợp lý, kết quả đánh giá dự báo đúng, phù hợp với thực tế (1,0 điểm)			<input type="checkbox"/>
0.25 điểm Đưa ra phương pháp luận cùng kết quả đánh giá, dự báo ở mức độ qua loa chưa có giải thích hay phân tích hoặc copy and paste	0.5 điểm Đưa ra được phương pháp luận cùng với giải thích, phân tích và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý hoặc chưa thuyết phục, hoặc chưa phù hợp với thực tế	0,75 điểm Đưa ra được phương pháp luận cùng với giải thích, phân tích và các kết quả đánh giá, dự báo hợp lý	1,0 điểm Đưa ra được phương pháp luận cùng với giải thích, phân tích và các kết quả đánh giá, dự báo hợp lý + có sự so sánh với các giải pháp khác và liên hệ thực tế.
3.2. Phương pháp giải quyết vấn đề có được mô tả đầy đủ, cơ sở khoa học và thực tế rõ ràng? (giải thích rõ các bước trong quy trình) (1 điểm)			<input type="checkbox"/>
0.25 điểm Mô tả các phương	0.5 điểm Mô tả các phương	0.75 điểm Mô tả các phương	1 điểm Mô tả các phương

pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý nhưng ở mức độ qua loa chưa có giải thích hay mô tả cụ thể	pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý với sự giải thích nhưng chưa có mô tả	pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý với sự giải thích hợp lý có mô tả	pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo với sự giải thích hợp lý có mô tả chi tiết
4. Phần III: Thiết kế (2,0 điểm) - mục 2.1 và 2.4			
4.1. Đủ các bản vẽ thiết kế cho các hạng mục công trình đảm bảo đúng các quy định hiện hành (1,0 điểm)			<input type="checkbox"/>
4.2. Phần trình bày, luận giải mục đích, khối lượng, thiết kế các phương pháp thực hiện các hạng mục (1,0 điểm)			
0,25 điểm	0.5 điểm	1,0 điểm	
Các hạng mục, dạng công tác được thiết kế trong đồ án (mục đích, khối lượng phương pháp thực hiện...) chưa được trình bày hợp lý, rõ ràng, chưa phù hợp với mục tiêu đặt ra.	Các hạng mục, dạng công tác được thiết kế trong đồ án (mục đích, khối lượng và phương pháp thực hiện...) chưa được trình bày hợp lý, rõ ràng. Tuy nhiên, đã thể hiện đầy đủ khối lượng và phương pháp, các bước thực hiện.	Các hạng mục, dạng công tác được thiết kế trong đồ án (mục đích, khối lượng và phương pháp thực hiện...) được trình bày hợp lý, dễ hiểu và giải quyết được vấn đề	
5. Phần IV: Dự trù nguồn lực, tổ chức thực hiện (1,0 điểm), mục 2.1.2, 2.3 và 2.4.			
0.25 điểm	0.5 điểm	0.75 điểm	1,0 điểm
Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện không phù hợp và gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế.	Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện có gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế, nhưng chưa có cơ sở rõ ràng.	Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện phù hợp có gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế, có cơ sở rõ ràng.	Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện phù hợp có gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế, có cơ sở rõ ràng, hiệu quả và khả thi.
6. Tính sáng tạo và khả năng ứng dụng (1,5 điểm)			<input type="checkbox"/>
6.1. Có tính sáng tạo (cải tiến hoặc nâng cấp hạng mục, phương pháp thực hiện, dạng công tác, thiết bị, quy trình, cấu tạo phần mềm các sản phẩm đã có hoặc đưa ra phương pháp/ giải pháp để giải quyết 1 vấn đề mới) (0,75 điểm)			<input type="checkbox"/>
0.2 điểm	0.4 điểm	0.5 điểm	0,75 điểm
Sản phẩm của đồ án đưa ra một cải tiến cho 1 tính năng của sản phẩm đã có.	Sản phẩm của đồ án đưa ra một cải tiến cho 2 tính năng sản phẩm đã có và có phân tích và giải thích.	Sản phẩm của đồ án đưa ra một cải tiến cho nhiều hơn 2 tính năng sản phẩm đã có, ngoài ra sản phẩm của đồ án có các tính năng mới cùng với các phân tích, giải thích.	Sản phẩm của đồ án là mới so với các đồ án khác hoặc dưới dạng chuyên đề chuyên sâu cho một lĩnh vực cụ thể.

6.2. Sản phẩm có khả năng ứng dụng trong thực tiễn (0,75 điểm)				<input type="checkbox"/>
0.2 điểm Sản phẩm của đồ án có khả năng đưa vào sử dụng trong thực tiễn nếu khi nâng cấp thêm	0.4 điểm Sản phẩm của đồ án có khả năng đưa vào sử dụng trong thực tiễn nếu được chỉnh sửa lại các lỗi nhỏ	0.5 điểm Sản phẩm của đồ án có khả năng sử dụng ngay trong thực tiễn	0,75 điểm Sản phẩm của đồ án đã bước đầu được ứng dụng/sử dụng trong thực tiễn	
7. Kết luận: Kết quả đạt được (0,5 điểm)				
7.1. Kết quả đạt được có bám sát mục tiêu đặt ra (0.25 điểm)				<input type="checkbox"/>
7.2. Kết quả đạt được là tin cậy, rõ ràng (0.25 điểm)				<input type="checkbox"/>

c. Đánh giá kỹ năng báo cáo Đồ án tốt nghiệp (Hội đồng đánh giá)

1. Điểm trình bày (2,0 điểm)			
1.1. Cách trình bày slide kèm theo treo các bản vẽ minh họa (1,0 điểm)			
0,25 điểm	0.5 điểm	0,75 điểm	1,0 điểm
Slide không sử dụng hình ảnh, chỉ toàn chữ, không treo bản vẽ minh họa.	Slide sử dụng chữ là chủ đạo, ít hình ảnh, có treo bản vẽ minh họa nhưng không đủ.	Slide có sử dụng hình ảnh, biểu đồ. Tuy nhiên phần chữ vẫn còn nhiều có treo đủ bản vẽ minh họa	Slide được trình bày hợp lý, đẹp mắt. Slide có nhiều hình ảnh, có bản vẽ minh họa sạch đẹp, đúng quy định.
1.2. Sinh viên có sự chuẩn bị tốt: trình bày tự tin, trôi chảy, rõ ràng (0,75 điểm)			
0, 25 điểm	0.5 điểm	0,75 điểm	
Sinh viên chỉ đọc những chữ có trong slide	Sinh viên có trình bày chưa tự tin, còn ngắt ngứ	Sinh viên có sự chuẩn bị tốt: trình bày tự tin, trôi chảy, rõ ràng.	
1.3. Cách trình bày luận văn của sinh viên (0.5 điểm) (mỗi phần tích 0.25 điểm)			
1.3.1 Sinh viên trình bày đúng thời gian quy định			<input type="checkbox"/>
1.3.2 Sinh viên khi trình bày có sử dụng ngôn ngữ cử thể và giao tiếp ánh mắt với người nghe			<input type="checkbox"/>
2. Điểm đánh giá các nội dung trình bày (3 điểm)			
0.75 điểm	1,5 điểm	2,25 điểm	3,0 điểm
Chỉ trình bày được 1/4 nội dung của đồ án, không nắm vững các	Chỉ trình bày được 1/2 nội dung của đồ án, nắm các kiến thức	Trình bày được 3/4 nội dung của đồ án, nắm vững các kiến	Trình bày được đầy đủ các nội dung của đồ án, nắm chắc các kiến

kiến thức chuyên môn.	chuyên môn không sâu.	thức chuyên môn tương đối chắc.	thức chuyên môn. Ngoài ra có các nhận xét của sinh viên cho từng phần
3. Trả lời câu hỏi (5,0 điểm). Mỗi câu từ 0,5 đến 1,0 điểm			
3.1 . Tổng số câu hỏi (5 – 10 câu)			
3.2 .Tổng số câu hỏi sinh viên trả lời được			
4 Nhận xét về sinh viên: có dấu hiệu sinh viên không hiểu nội dung đồ án			
<input type="checkbox"/>			
Điểm đồ án bằng 0 Nếu sinh viên có dấu hiệu không hiểu luận văn thì điểm đồ án sẽ bằng 0 (<i>sinh viên không trả lời được câu hỏi nào hoặc các câu trả lời không đúng với nội dung câu hỏi</i>)	70% điểm đồ án Sinh viên chỉ nắm được 1 phần nội dung luận văn của mình (<i>sinh viên chỉ trả lời được từ 1 đến 3 câu hỏi của hội đồng hoặc các câu trả lời của sinh viên trả lời chưa đúng với trọng tâm câu hỏi</i>)	100% điểm đồ án Sinh viên nắm được phần lớn nội dung đồ án của mình (<i>sinh viên trả lời được hầu hết các câu hỏi có trong nội dung đồ án của hội đồng. Câu trả lời của sinh viên trả lời đa phần đúng với trọng tâm câu hỏi</i>)	

VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Phần chương trình	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương	
1.1	Toán và khoa học cơ bản	
1.2	Lý luận chính trị	
1.3	Pháp luật đại cương	
1.4	Giáo dục thể chất	5
1.5	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 (Chứng chỉ)
1.6	Tiếng Anh	
2	Giáo dục chuyên nghiệp	
2.1	Cơ sở ngành	
2.2	Chuyên ngành: (ghi tên chuyên ngành)	
2.2.1	Khối lượng bắt buộc	
2.2.2	Khối lượng tự chọn	

2.3	<i>Chuyên ngành: (ghi tên chuyên ngành)</i>	
2.3.1	Khối lượng bắt buộc	
2.3.2	Khối lượng tự chọn	
2.4	<i>Chuyên ngành: (ghi tên chuyên ngành)</i>	
2.4.1	Khối lượng bắt buộc	
2.4.2	Khối lượng tự chọn	
2.n	
2.(n+1)	Thực tập tốt nghiệp	
2.(n+2)	Đồ án tốt nghiệp	
Tổng khối lượng		

8.2. Danh mục khối lượng các học phần trong chương trình đào tạo:

TT	Mã HP	Bộ môn quản lý	Tên học phần	Tín chỉ		
				Tổng	LT	TH
8.1			KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
8.1.1			Lý luận chính trị			
1						
2						
3						
4						
5						
8.1.2			Khoa học xã hội - Nhân văn			
6						
7						
8.1.3			Ngoại ngữ (kể cả tiếng Anh chuyên ngành)			
8						
9						
10						
8.1.4			Toán học - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường			
8.1.4.1			PHẦN BẮT BUỘC			
11						
12						
13						
8.1.4.2			PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1;2;3... trong các học phần sau)			
14						
15						
16						

17						
8.1.5			Giáo dục thể chất			
18			Giáo dục thể chất 1			
19			Giáo dục thể chất 2			
20			Giáo dục thể chất 3			
8.1.6			Giáo dục Quốc phòng và an ninh			
8.1.7			Kỹ năng mềm			
8.2			KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
8.2.1			Kiến thức cơ sở ngành			
21						
22						
23						
8.2.2			Kiến thức chung của ngành			
24						
25						
26						
27						
28						
8.2.3			Kiến thức chuyên ngành			
8.2.3.1			Chuyên ngành:			
			PHẦN BẮT BUỘC			
29						
30						
31						
2.2			PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1;2; 3 .. trong các học phần sau)			
8.2.3.2			Chuyên ngành:			
			PHẦN BẮT BUỘC			

			PHÂN TỰ CHỌN (chọn 1;2; 3 .. trong các học phần sau)			
8.2.3.3			Chuyên ngành:			
			PHẦN BẮT BUỘC			
			PHÂN TỰ CHỌN (chọn 1;2; 3 .. trong các học phần sau)			
8.2.3.n			Chuyên ngành:			
			PHẦN BẮT BUỘC			
			PHÂN TỰ CHỌN (chọn 1;2; 3 .. trong các học phần sau)			
8.2.4			Thực tập			
8.2.5			Khóa luận tốt nghiệp hoặc đăng ký học phần chuyên sâu thay thế			
Tổng tín chỉ toàn khóa (chưa kể GDQP & GDTC)						

8.3. Kỳ học theo kế hoạch chuẩn

	PHẦN KHỐI KIẾN THỨC HỌC CHUNG NGÀNH	
TT	Học kỳ I	Số tín chỉ
	<i>Cộng khối lượng học kỳ I</i>	
TT	Học kỳ II	Số tín chỉ
	<i>Cộng khối lượng học kỳ II</i>	
TT	Học kỳ III	Số tín chỉ
	<i>Cộng khối lượng học kỳ III</i>	
TT	Học kỳ IV	Số tín chỉ
	<i>Cộng khối lượng học kỳ IV</i>	
TT	Học kỳ V	Số tín chỉ
	<i>Cộng khối lượng học kỳ V</i>	
TT	Học kỳ VI	Số tín chỉ
	<i>Cộng khối lượng học kỳ VI</i>	
	PHẦN KHỐI KIẾN THỨC THEO CHUYÊN NGÀNH	
	Chuyên ngành 1:	
TT	Học kỳ VII	Số tín chỉ
	<i>Cộng học kỳ VII</i>	

TT	Học kỳ VIII	Số tín chỉ
	Cộng khối lượng học kỳ VIII	
	Chuyên ngành 2:	
TT	Học kỳ VII	Số tín chỉ
	Cộng học kỳ VII	
TT	Học kỳ VIII	Số tín chỉ
	Cộng khối lượng học kỳ VIII	
	Chuyên ngành n:	
TT	Học kỳ VII	Số tín chỉ
	Cộng học kỳ VII	
TT	Học kỳ VIII	Số tín chỉ
	Cộng khối lượng học kỳ VIII	
Tổng số tín chỉ toàn khóa		

8.4. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ví dụ:

[illegible]

	Đường lối quân sự của Đảng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	
	Công tác quốc phòng và an ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	
	Quân sự chung và chiến thuật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	
IV. Ngoại ngữ																					
7010601	Tiếng Anh 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	-	-	-	-	-
7010602	Tiếng Anh 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	-	-	-	-	-
V. Cơ sở ngành/ nhóm ngành																					
7040621	Nhập môn Kỹ thuật TNN	3	3	3	2	1	2	2	1	2	1	2	-	-	3	2	2	1	-	-	-
7010501	Cơ học chất lỏng	3	3	3	2	1	1	1	-	2	1	2	-	-	1	2	1	1	-	-	-
7090312	Kỹ thuật điện, điện tử	3	2	2	1	1	1	1	-	1	1	2	-	-	1	1	1	1	-	-	-
	Sức bền vật liệu +BTL	3	2	2	1	1	1	1	-	1	1	2	-	-	1	2	1	1	-	-	-
	Khoa học trái đất	3	3	3	2	1	2	2	1	2	1	2	-	-	1	2	1	1	-	-	-
	Thực tập khoa học trái đất	3	3	3	2	1	2	2	1	2	3	2	-	-	1	2	1	1	-	-	-
	Trắc địa đại cương	3	2	2	2	1	1	1	-	2	1	2	-	-	1	1	1	1	-	-	-
VI. Chuyên ngành 1																					
7040632	Kỹ thuật khai thác nước	3	3	3	3	3	2	2	2	2	1	2	-	-	3	2	3	2	-	-	-
7040633	Đồ án kỹ thuật khai thác nước	3	3	3	3	3	2	3	2	2	3	3	-	-	3	2	3	2	-	-	-
		3	3	3	3	3	2	2	2	2	1	2	-	-	3	2	3	2	-	-	-
		3	3	3	3	3	2	2	2	2	1	2	-	-	3	2	3	2	-	-	-
		3	3	3	3	2	2	2	1	2	1	2	1	3	1	1	2	2	-	-	-
7090231	Thực tập doanh nghiệp	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	-	2	3	3	3	3	-	-	-
7090217	Đồ án tốt nghiệp	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	-	2	3	2	3	3	-	-	-

Ghi chú:

3: đáp ứng cao, 2: đáp ứng trung bình, 1: đáp ứng thấp; -: không đáp ứng

8.5. KẾ HOẠCH THEO TỪNG NĂM HỌC : Đơn vị: Tuần

Năm học	Học		Thi		Nghỉ		Dự trữ	Tổng	Ghi chú
	LT	TH	HK	TN	Hè	Tết			
I					5	3	2	52	
II					5	3	2	52	
III					5	3	2	52	
IV					5	3	2	52	
Cộng					20	12	8	208	

8.6. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

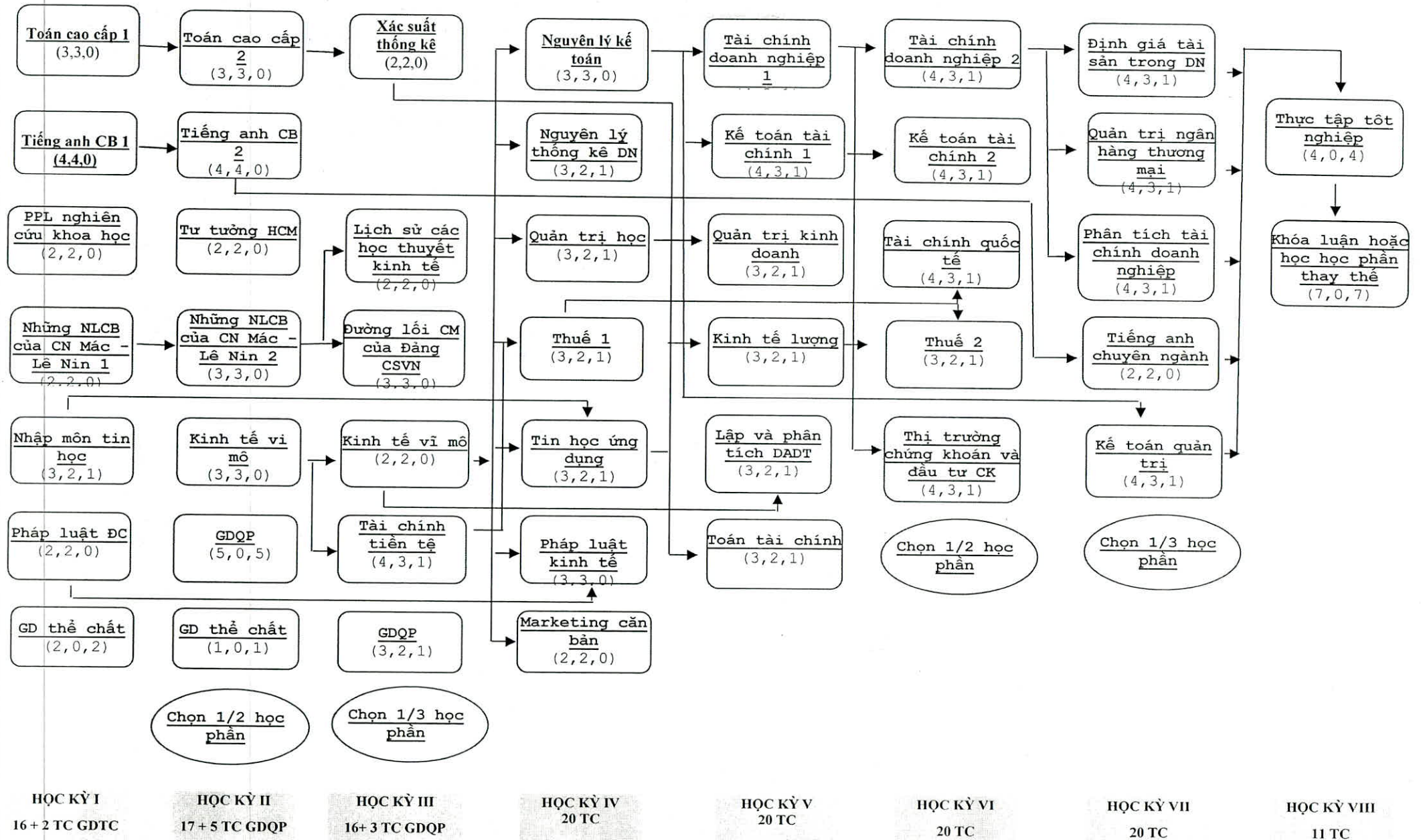
8.6.1. Tiến trình đào tạo chuyên ngành 1:

8.6.2. Tiến trình đào tạo chuyên ngành 2:

8.6.3. Tiến trình đào tạo chuyên ngành 3:

8.6.n. Tiến trình đào tạo chuyên ngành n:

MẪU VÍ DỤ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO:



8.7. Kế hoạch thực tập

TT	Loại hình (tham quan, thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp)	Thời gian (tuần)	Học kỳ	Địa điểm (tại trường/ngoài ngoài nghiệp)	Ghi chú
1					
2					
3					
	Tổng số				

IX. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

A. Các học phần chung của ngành (nếu ngành có nhiều chuyên ngành)

1. Tên học phần số 1: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:

- Mục tiêu:

.....

- Nội dung học phần:

.....

- Tài liệu tham khảo:

.....

2. Tên học phần số 2: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:

- Mục tiêu:

.....
.....
.....
- Nội dung học phần:

.....
.....
.....
- Tài liệu tham khảo:

.....
.....
.....
n. Tên học phần số n: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:
 - Mục tiêu:
-
.....
.....

.....
.....
.....
- Nội dung học phần:

.....
.....
.....
- Tài liệu tham khảo:

.....
.....
.....
B. Mô tả tóm tắt các học phần theo chuyên ngành (ngành có nhiều chuyên ngành)

B1. Chuyên ngành số 1 (ghi tên chuyên ngành)

20. Tên học phần 20: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:
- Mục tiêu:
- Nội dung học phần:
- Tài liệu tham khảo:

21. Tên học phần 21: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:
- Mục tiêu:
- Nội dung học phần:
- Tài liệu tham khảo:

B2. Chuyên ngành (ghi tên chuyên ngành)

41. Tên học phần 42: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:
-
.....

- Mục tiêu:.....
- Nội dung học phần:
- Tài liệu tham khảo:.....

42. Tên học phần 42: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:
- Mục tiêu:.....
- Nội dung học phần:
- Tài liệu tham khảo:.....

X. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

T T	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy

XI. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

TT	Tên Phòng thí nghiệm, thực hành	Địa điểm	Ghi chú
1			
2			
3			
.			
n			

11.2. Thư viện

.....

.....

.....

.....

.....

11.3. Giáo trình, bài giảng:

T T	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1				
2				
3				
.				
n				

XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Căn cứ vào kế hoạch thời khoá biểu của từng học kỳ, Nhà trường tổ chức lập kế hoạch lịch thi kết thúc học phần theo từng học kỳ. Việc tổ chức thi, trong đó bao gồm các khâu: lập lịch thi, chuẩn bị đề thi, coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo và công tác lưu trữ tài liệu thi được triển khai thực hiện theo theo Quyết định số 400/QĐ-ĐHCNQN ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

12.2. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Có chứng chỉ GDQP&AN và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Nhà trường.

Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần/năm. Thời gian xét tốt nghiệp sau khi kết thúc mỗi học kỳ. Trước khi xét, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng để xét tốt nghiệp cho sinh viên. Phòng Đào tạo có trách nhiệm rà soát lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp thông qua Hội đồng để xét tốt nghiệp cho sinh viên. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch hội đồng, Trưởng Phòng Đào tạo làm thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng Phòng công tác học sinh sinh viên. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp. Sinh viên không tốt nghiệp sẽ được Nhà trường cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của trường.

12.3. Các chú ý khác

- Căn cứ vào tình hình thực tế, thứ tự bố trí các học phần trong các học kỳ có thể điều chỉnh nhưng phải đảm bảo điều kiện logic nhận thức khi học các học phần;
- Tổ chức thực hiện chương trình theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng

PHIẾU KHẢO SÁT

VỀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NHÂN LỰC BẰNG KỸ SƯ

Ngành

Kính chào Anh/Chị!

Nhằm đa dạng hóa lĩnh vực đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đang triển mở ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù Để đánh giá nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành trong thời gian tới, Nhà trường khảo sát, xin ý kiến của Anh/Chị về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực

Dữ liệu khảo sát là nguồn thông tin quý giá để Nhà trường xác định nhu cầu đào tạo, thiết kế chương trình đào tạo phù hợp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu lao động của xã hội.

Nhà trường đảm bảo các thông tin cá nhân trong Phiếu khảo sát này hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng vào mục đích khảo sát theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

I. Thông tin cá nhân

1. Họ và tên: Giới tính:
2. Tuổi: Điện thoại: Email (nếu có):
3. Công việc hiện tại:

II. Nội dung khảo sát

1. Anh/Chị đã bao giờ nghe/biết tới các ngành học:

☐
☐
☐
☐
☐
☐

Không biết tới tất cả các ngành trên

2. Nếu có **nghe/biết** tới một trong số các ngành trên thì theo Anh/Chị nên học ở trường nào sau đây là phù hợp?

☐
☐
☐

Đại học Mở - Địa chất
Đại học Sao Đỏ
Đại học khác:

☐
☐
☐

Đại học
Đại học
Đại học ở nước ngoài

3. Những công việc nào sau đây tạo được sự hứng thú/quan tâm của Anh /Chị?

☐☐☐☐☐☐

Công việc khác.....

5. Nếu tốt nghiệp một trong số các ngành như ở câu 1 thì Anh /Chị có sẵn sàng trải nghiệm khám phá nghề nghiệp (đi xa) kèm theo là tăng thu nhập?

☐

Có

☐

Không

6. Mức thu nhập khởi điểm kỳ vọng của Anh/Chị sau khi tốt nghiệp các ngành kể trên là bao nhiêu?

☐

5 – 7 triệu đồng/tháng

☐

7 – 10 triệu đồng/tháng

☐

10 – 15 triệu đồng/tháng

☐

> 15 triệu đồng/tháng

7. Anh/Chị có muốn học văn bằng 2 về ngành (nếu công việc yêu cầu) của Nhà trường không?

☐

Có

☐

Không

8. Trình độ đào tạo mong muốn của Anh/Chị về chuyên ngành (nếu lựa chọn) là gì?

☐

Kỹ sư (ĐHCQ)

☐

Kỹ sư (VB2)

☐

Thạc sĩ

☐

Tiến sĩ

Trân trọng cảm ơn!

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU KHẢO SÁT YÊU CẦU ĐÀO TẠO
VÀ NHU CẦU NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC BẰNG KỸ SƯ**

Ngành:

Tên đơn vị/cá nhân khảo sát:

Địa chỉ:

.....
.....

TT	Nội dung khảo sát	Có (Đồng ý)	Không (Không đồng ý)
I	Đơn vị/Ông (bà) hoạt động theo những lĩnh vực chuyên môn nào dưới đây:		
1	Khoa học tự nhiên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Khoa học nông nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Khoa học y dược	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Các ngành nghề kỹ thuật khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
II	Yêu cầu của Đơn vị/Ông (bà) đối với nhân lực có trình độ đại học bằng kỹ sư ngành:		
1	Yêu cầu về kiến thức:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Có kiến thức để thích ứng tốt với các vấn đề khác nhau như	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Có kiến thức để	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Có kiến thức để	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Có kiến thức để	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Có kiến thức để	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Có kiến thức để	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

2	<i>Yêu cầu về kỹ năng</i>		
	- Kỹ năng làm việc theo nhóm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Kỹ năng nghiên cứu độc lập	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Kỹ năng xử lý tình huống	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, viết báo cáo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	<i>Yêu cầu về thái độ:</i> có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân, có tác phong công nghiệp và thái độ làm việc nghiêm túc, đáp ứng các yêu cầu thực tế của xã hội, đồng thời thường xuyên cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	<i>Yêu cầu về tiếng Anh, tin học</i>		
	- Đọc và dịch được tài liệu tiếng Anh chuyên ngành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Giao tiếp được các chủ đề liên quan đến chuyên môn bằng tiếng Anh		
	- Thành thạo tin học văn phòng word, excel, power point...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	- Sử dụng được một số phần mềm thông dụng như AutoCAD, Mapinfor...		
5	<i>Có khả năng học tập lên bậc học cao hơn:</i> học cao học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
III	Nhu cầu nhân lực trình độ đại học bằng kỹ sư ngành		
1	Theo ông (bà), <i>nhu cầu nhân lực trình độ đại học bằng kỹ sư đối với ngành</i> ở nước ta trong thời gian tới có cần thiết không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	<i>Nhu cầu nhân lực trình độ đại học bằng kỹ sư của cơ quan, đơn vị ông (bà)</i>		
	- Hiện có (ghi rõ số lượng)		
	- Cần có thêm (ghi rõ số lượng)		

Ý kiến khác:

.....

.....

.....

Xin trân trọng cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN

Chú thích: Đối tượng khảo sát là các nhà quản lý, nhà chuyên môn, giảng viên, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp

THỐNG KÊ ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN LẤY PHIẾU KHẢO SÁT YÊU CẦU
ĐÀO TẠO VÀ NHU CẦU NHÂN LỰC BẰNG KỸ SƯ
NGÀNH

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực hoạt động	Địa chỉ cơ quan	Họ tên người được khảo sát	Nhân lực		Nhu cầu nhân lực ngành	
					Hiện có	Tuyển thêm	Yêu cầu đào tạo	Nhu cầu nhân lực
1							x	
2							x	
3							x	
							x	
							x	
							x	
							x	
							x	
n							x	

TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
KHOA:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỔNG HỢP PHÂN TÍCH, ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐÀO TẠO:TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CẤP BẰNG KỸ SƯ

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 21/KH-ĐHCNQN ngày 10 tháng 02 năm 2022 về xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù cấp bằng kỹ sư đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. Tổ xây dựng chương trình tiến hành phân tích, đối sánh CTĐT của ngành: như sau:

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh			Trường Đại học:		Trường Đại học:	
STT	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)
I. Kiến thức đại cương		(+)	I. Kiến thức đại cương	(+)	I. Kiến thức đại cương	(+)
1. Kiến thức chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội		(+)	1. Kiến thức chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội	(+)	1. Kiến thức chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội	(+)
1						
2						
.						
2. Kiến thức toán và khoa học tự nhiên		(+)	2. Kiến thức toán và khoa học tự nhiên	(+)	2. Kiến thức toán và khoa học tự nhiên	(+)
1						
2						
.						
3. Tiếng anh		(+)	3. Tiếng anh	(+)	3. Tiếng anh	(+)
1						
2						
.						
4. Giáo dục thể chất		(+)	4. Giáo dục thể chất	(+)	4. Giáo dục thể chất	(+)
1						

2						
.						
5. Giáo dục Quốc phòng	(+)	5. Giáo dục Quốc phòng	(+)	5. Giáo dục Quốc phòng	(+)	
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	(+)	II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	(+)	II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	(+)	
II.1. Kiến thức cơ sở ngành	(+)	II.1. Kiến thức cơ sở ngành	(+)	II.1. Kiến thức cơ sở ngành	(+)	
1						
2						
.						
	Tự chọn					
II.2. Kiến thức chuyên ngành, thực tập, đồ án tốt nghiệp	(+)	II.2. Kiến thức chuyên ngành, thực tập, đồ án tốt nghiệp	(+)	II.2. Kiến thức chuyên ngành, thực tập, đồ án tốt nghiệp	(+)	
1						
2						
.						
	Tự chọn					
n	Thực tập doanh nghiệp	(+)	Thực tập doanh nghiệp	(+)	Thực tập doanh nghiệp	(+)
n+1	Đồ án tốt nghiệp	(+)	Đồ án tốt nghiệp	(+)	Đồ án tốt nghiệp	(+)
TỔNG CỘNG		(+)		(+)		(+)

Ghi chú: (1). Chọn trường đối sánh phải cùng ngành và cùng trình độ đào tạo, tối thiểu 02 trường; (2) Tất cả các dòng có ô đánh dấu (+) phải cộng tổng khối lượng kiến thức theo từng mục nội dung.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022
TỔ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

KHOA:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỘI THẢO CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN SÂU ĐẶC THÙ
NGÀNH ĐÀO TẠO:**

(dùng cho các Tổ xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù)

1. Thời gian: vào hồih phút ngày tháng năm 2022
2. Địa điểm: Tại Phòng
3. Thành phần tham dự: Toàn bộ Tổ xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo Quyết định số 73/QĐ-ĐHCNQN ngày 18 tháng 02 năm 2022.

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	có mặt; vắng mặt, lý do vắng
1			
2			
3			
.			
.			
.			

Chủ trì: Đ/c Tổ trưởng

Thư ký: Đ/c Thư ký tổ

4. Nội dung hội thảo

4.1. Đồng chí Tổ trưởng tổ

.....

- Khái quát chung các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và nội dung kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù của Nhà trường.

- Trình bày toàn bộ nội dung bản dự thảo chương trình đào tạo.

4.2. Các ý kiến tham gia của các thành viên:

(1). Đồng chí

.....

.....

(2). Đồng chí

.....

.....

(3). Đồng chí

(n). Đồng chí

4.3. Đồng chí Tổ trưởng tiếp thu các ý kiến và thống nhất các nội dung sau:

a. Đánh giá chung:

b. Những nội dung đã đảm bảo yêu cầu

c. Những nội dung còn hạn chế của chương trình đào tạo

d. Những nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung

Biên bản được lập và kết thúc vào lúch phút cùng ngày. Tất cả các thành viên đều đồng ý, nhất trí và cùng thống nhất thực hiện.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN SÂU ĐẶC THÙ
NGÀNH ĐÀO TẠO:

Quảng Ninh 2022

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN SÂU ĐẶC THÙ

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNQN ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

Tên chương trình:

Ngành đào tạo:

Tên tiếng Anh (tên ngành):

Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo trang bị cho người tốt nghiệp:

A.

B.

C.

E.

F.

.....

.....

Sau khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên ngành có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm tốt, có thể tự thành lập các đơn vị doanh nghiệp trong lĩnh vực.....; có đủ khả năng làm việc ở các lĩnh vực liên quan..... Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc tại các đơn vị trực thuộc các Bộ ngành liên quan (Bộ ...; Sở; Phòng.....;) và các đơn vị sự nghiệp như: Các Tập đoàn, Tổng cục, Tổng công ty, Công ty; các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ liên quan đến

II. CHUẨN ĐẦU VÀO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù: người học tốt nghiệp đại học cùng ngành đào tạo, bằng tốt nghiệp đại học là bằng cử nhân

III. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù ngành của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh phải có được:

1. Kiến thức cơ sở chuyên môn

1.1.

- 1.2.
- 1.3.
- .
- 1.n.

2. Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp:

- 2.1. Có được khả năng lập luận phân tích và giải quyết độc lập các vấn đề.....;
- 2.2. Có được các kỹ năng tự lập
- 2.3. Có được cách tư duy hệ thống, logic khi giải quyết một vấn đề chuyên môn cụ thể và có được các kỹ năng tư duy phê bình trong quá trình làm việc nhóm;
- 2.4. Phát triển được tính năng động, sáng tạo và nghiêm túc trong quá trình học tập và làm việc;
- 2.5. Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp;
- 2.6. Có những hiểu biết các vấn đề đương đại và ý thức học suốt đời.
- .
- 2.n.

3. Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế:

- 3.1. Có kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc theo nhóm, tổ (đa ngành);
- 3.2. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại;
- 3.3. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc, đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;
- 3.4. Kỹ năng tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản, các phần mềm chuyên môn.
- .
- 3.n.

4. Năng lực thực hiện và điều hành

- 4.1. *Nhận thức về mối liên hệ mật thiết* giữa giải pháp kỹ thuật với các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường trong thế giới toàn cầu hóa.
- 4.2. *Nhận biết vấn đề*
- 4.3. *Có đủ năng lực trong việc thực hiện*
- 4.4. *Có năng lực triển khai, điều hành thực hiện các*
- .
- .
- 4.n.

5. Phẩm chất chính trị, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:

5.1. Có trình độ lý luận chính trị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

5.2. Đảm bảo đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

5.n.

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ví dụ:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra																		
	Kiến thức			Kỹ năng									Năng lực					Phẩm chất	
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	5.1	5.2
A	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
B	✓	-	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
C	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
D	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	-	-
E	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
F	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
.																			
.																			

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 01 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ: 30 tín chỉ

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

5.1. Người học tốt nghiệp đại học cùng ngành, bằng tốt nghiệp đại học là bằng cử nhân do Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh cấp.

5.2. Người học tốt nghiệp đại học cùng ngành, bằng tốt nghiệp đại học là bằng cử nhân do cơ sở giáo dục đại học khác cấp.

6. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

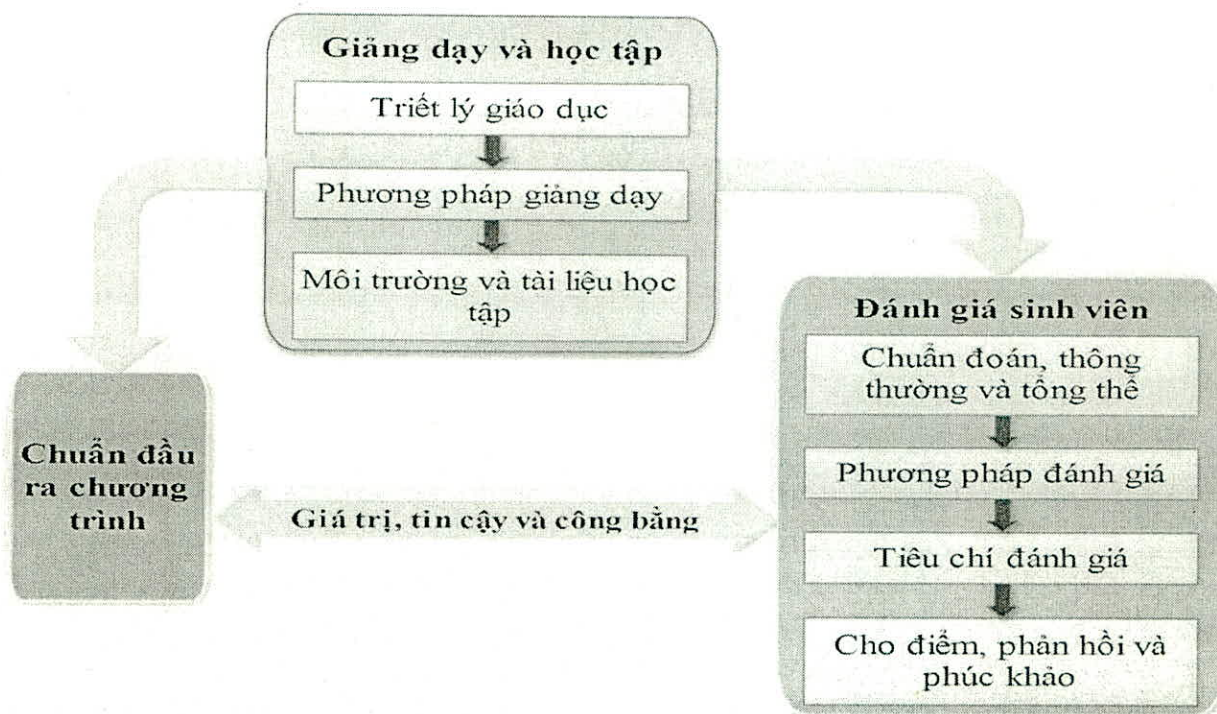
Thực hiện theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và các văn bản hiện hành.

VII. KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp

Quảng Ninh, việc đánh giá đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khác quan, vấn đáp, bài kiểm tra ngắn, bài tiểu luận, bài thi thực hành, tham quan doanh nghiệp, thực tập doanh nghiệp, đo lường trong phòng thí nghiệm, bài trình bày, ... Chuẩn đánh giá là các rubrics học phần, gồm rubrics thang điểm, rubrics phân tích và một số rubrics tổng hợp và đáp án môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo qui trình [Hình 1].



Hình 1. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên

7.2. Cách tính điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 sử dụng cho điểm thành phần của học phần.

Thang điểm 10			Điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
8,5	÷	10	A	4,0	Đạt
7,0	÷	8,4	B	3,0	
5,5	÷	6,9	C	2,0	
4,0	÷	5,4	D	1,0	
Dưới 4,0			F	0	Không đạt

7.3. Rubric đánh giá

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Học phần: Thực tập tốt nghiệp

Loại hình đánh giá: Đánh giá kỹ năng Báo cáo thực tập (dành cho Báo cáo hội đồng)

a. Sau khi hoàn thành thực tập tốt nghiệp sinh viên cần phải đạt được:

➤ **1. Yêu cầu về báo cáo thực tập tốt nghiệp:**

- ❖ 1.1. Để được chấm báo cáo, sinh viên phải trình bày báo cáo thực tập tốt nghiệp đúng theo mẫu của Bộ môn. nếu không đúng yêu cầu, báo cáo của sinh viên sẽ không được chấm điểm. Nếu trình bày khác mẫu cần phải nêu lý do tại sao lại trình bày khác mẫu.
- ❖ 1.2. Trình bày theo mẫu gồm:
 - Trình bày đúng font chữ và cách căn chỉnh lề
 - Trình bày đúng theo cấu trúc và format
 - Trình bày đúng nội dung của từng mục

➤ **2. Yêu cầu về kỹ năng mềm**

- ❖ 2.1. Có kỹ năng viết một báo cáo thực tập
- ❖ 2.2. Có kỹ năng trình bày slide và thuyết trình một báo cáo thực tập
- ❖ 2.3. Có kỹ năng làm việc theo nhóm đi thực tập cùng một nơi
- ❖ 2.4. Có kỹ năng trả lời các câu hỏi

b. Đánh giá báo cáo thực tập

1. Điểm thuyết trình (2 điểm)			
1.1. Cách trình bày slide (1 điểm)			
0.5 điểm	0.5 điểm	1 điểm	
Slide không sử dụng hình ảnh, chỉ toàn chữ	Slide có sử dụng hình ảnh, biểu đồ. Tuy nhiên phần chữ vẫn còn nhiều	Slide được trình bày hợp lý, đẹp mắt. Slide có nhiều hình ảnh.	
1.2. Cách trình bày báo cáo của sinh viên (1 điểm) (mỗi phần tích 0.5 điểm)			
1.2.1. Sinh viên trình bày đúng thời gian quy định			<input type="checkbox"/>
1.2.2. Sinh viên khi trình bày có sử dụng ngôn ngữ cử chỉ và giao tiếp ánh mắt với người nghe, hấp dẫn và thu hút người nghe.			<input type="checkbox"/>
2. Điểm báo cáo (2 điểm)			
0.5 điểm	1 điểm	1.5 điểm	2 điểm
Trong báo cáo sinh viên chỉ trình bày được nội dung của 1 phần trong tổng số các phần theo yêu cầu	Trong báo cáo sinh viên trình bày được nội dung của 2 phần trong tổng số các phần theo yêu cầu	Trong báo cáo sinh viên trình bày được nội dung của 3 phần trong các phần theo yêu cầu	Trong báo cáo sinh viên trình bày được nội dung của tất cả các phần theo yêu cầu
3. Sinh viên trình bày về các công việc đang được thực hiện ở công ty có liên quan đến ngành học của mình (2 điểm)			

3.1. Sinh viên trình bày các công việc đang được thực hiện ở công ty có liên quan đến ngành học của mình (1 điểm)		
0.25 điểm Các công việc sinh viên đưa ra không phù hợp với ngành đào tạo	0.5 điểm Các công việc sinh viên đưa ra có phù hợp với ngành đào tạo	1 điểm Các công việc sinh viên đưa ra hoàn toàn phù hợp với ngành đào tạo
3.2. Sinh viên liên hệ các công việc đó với những kiến thức/môn học đã được học (công việc nào cần kiến thức của môn học nào) (1 điểm)		
0.25 điểm Sinh viên chưa liên hệ được giữa công việc và kiến thức/môn học đã được học	0.5 điểm Mỗi liên hệ được giữa công việc và kiến thức/môn học đã được học được sinh viên đưa ra chưa hợp lý	1 điểm Mỗi liên hệ được giữa công việc và kiến thức/môn học đã được học được sinh viên đưa ra hoàn toàn hợp lý
4. Sinh viên đưa ra ý kiến, cảm nhận của mình về các công việc đã tìm hiểu hoặc được giới thiệu ở công ty (2 điểm)		
4.1. Sinh viên đưa ra ý kiến về công việc mình muốn được/có thể đảm nhận ở công ty thực tập (nếu sinh viên cảm thấy không có công việc nào phù hợp với mình thì đưa ra lý do tại sao) (1 điểm)		
0 điểm Sinh viên không cảm thấy có công việc phù hợp và cũng không nêu lý do hoặc không đưa ra ý kiến	1 điểm Sinh viên đưa ra được sự lựa chọn công việc cho mình và đưa ra lý do mình chọn hoặc sinh viên không cảm thấy có công việc phù hợp và đưa ra lý do hợp lý	
4.2. Sinh viên tự đưa ra đánh giá khả năng mình có đáp ứng được yêu cầu của công việc hay không; Nếu thấy mình chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, đưa ra các yếu tố còn thiếu của mình để đáp ứng được công việc (1 điểm)		
0 điểm Sinh viên không đưa ra được lý do hay giải thích về việc mình có khả năng đáp ứng được nhu cầu công việc mà mình chọn hay không	1 điểm Sinh viên đưa ra được các đánh giá khả năng đáp ứng công việc của mình hoặc đưa ra đánh giá về các yếu tố còn thiếu của mình để đáp ứng được công việc	
5. Sinh viên trình bày về hướng nghiên cứu dự kiến của luận văn tốt nghiệp của mình (2 điểm)		
5.1. Hướng nghiên cứu dự kiến phù hợp với ngành, với tài liệu đã thu thập được (1 điểm)		<input type="checkbox"/>
5.2. Hướng nghiên cứu dự kiến của sinh viên phù hợp với định hướng chuyên sâu và có tính thời sự (1 điểm)		<input type="checkbox"/>

RUBRIC ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Học phần: Đồ án tốt nghiệp

Loại hình đánh giá: Rubric đánh giá nội dung đồ án

(dành cho GVHD, GVPB và báo cáo hội đồng)

a. Sau khi hoàn thành Đồ án tốt nghiệp sinh viên phải đạt được những yêu cầu sau:

1. Yêu cầu về quyển Đồ án:

1.1. Để được chấm, bảo vệ Đồ án tốt nghiệp, sinh viên phải trình bày Đồ án đúng theo mẫu, đáp ứng các yêu cầu chất lượng nội dung Đồ án của Bộ môn và được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn, nếu không Đồ án của sinh viên sẽ không được chấm điểm. Nếu trình bày khác mẫu, nội dung chưa đáp ứng yêu cầu cần phải nêu lý do.

1.2 Trình bày theo mẫu gồm:

- Trình bày đúng font chữ và các cách căn chỉnh lề
- Trình bày đúng theo cấu trúc và format
- Trình bày đúng nội dung của từng mục
- Chất lượng các nội dung phải đáp ứng yêu cầu của Bộ môn

2. Yêu cầu chuẩn đầu ra:

VD:

2.1. Tổng hợp, phân tích, xử lý và đánh giá được các điều kiện địa lý tự nhiên, kinh tế xã hội liên quan và ảnh hưởng ở một vùng cụ thể.

2.2. Biết tìm hiểu, lựa chọn và áp dụng phương pháp đánh giá... hợp lý và khả thi. Các kết quả đạt được phù hợp với thực tiễn, có độ tin cậy, rõ ràng và đạt được mục tiêu yêu cầu.

2.3. Các phân tích, luận giải có cơ sở khoa học và thực tiễn để đưa ra các phương án thiết kế thi công các hạng mục nghiên cứu, đánh giá, khai thác, sử dụng, quản lý và phát triển;

2.4. Các phương án thiết kế thi công có hiệu quả cao, có khả năng áp dụng vào thực tế, có khả năng phát triển và nhân rộng;

2.5. Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản, các phần mềm chuyên môn trong việc giải quyết các vấn đề của đồ án tốt nghiệp; Có được các kỹ năng tìm hiểu, tham khảo các tài liệu liên quan, nhất là tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài.

2.n.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b. Đánh giá đồ án tốt nghiệp (GVHD, GVPB)

1. Đồ án có được trình bày theo mẫu – mục 1 (1,0 điểm) (mỗi mục nhỏ 0.25 điểm)				
1.1. Nội dung của các mục trong trang thông tin kết quả nghiên cứu có rõ ràng và phù hợp với tiêu đề các mục				<input type="checkbox"/>
1.2. Chất lượng ngôn ngữ, văn phong sử dụng trong đồ án là tốt				<input type="checkbox"/>
1.3. Không có nhiều lỗi trình bày về hình, bảng và chính tả				<input type="checkbox"/>
1.4. Hình ảnh được sử dụng trong đồ án được trình bày hợp lý, đẹp và rõ ràng và phù hợp với nội dung cần minh họa				<input type="checkbox"/>
2. Phần I - Có kiến thức về đặc điểm chung một lĩnh vực trong ngành (2 điểm) – mục 2.1.				
0,5 điểm	1,0 điểm	1,5 điểm	2,0 điểm	
Kiến thức được đưa vào một cách qua loa, không chọn lọc và chủ yếu là copy and paste	Kiến thức được đưa vào có chọn lọc nhưng chủ yếu là copy and paste	Kiến thức được đưa vào có chọn lọc và được viết lại theo ngôn ngữ của sinh viên	Kiến thức được đưa vào có chọn lọc và được viết lại theo ngôn ngữ của sinh viên. Ngoài ra có các nhận xét của sinh viên cho từng phần	
3. Phần II: Phần chuyên môn – Phân tích, đánh giá (2,0 điểm) (mục 2.1, 2.2 và 2.4)				
3.1. Phương pháp đưa ra để giải quyết vấn đề có hợp lý, kết quả đánh giá dự báo đúng, phù hợp với thực tế (1,0 điểm)				<input type="checkbox"/>
0.25 điểm	0.5 điểm	0,75 điểm	1,0 điểm	
Đưa ra phương pháp luận cùng kết quả đánh giá, dự báo ở mức độ qua loa chưa có giải thích hay phân tích hoặc copy and paste	Đưa ra được phương pháp luận cùng với giải thích, phân tích và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý hoặc chưa thuyết phục, hoặc chưa phù hợp với thực tế	Đưa ra được phương pháp luận cùng với giải thích, phân tích và các kết quả đánh giá, dự báo hợp lý	Đưa ra được phương pháp luận cùng với giải thích, phân tích và các kết quả đánh giá, dự báo hợp lý + có sự so sánh với các giải pháp khác và liên hệ thực tế.	
3.2. Phương pháp giải quyết vấn đề có được mô tả đầy đủ, cơ sở khoa học và thực tế rõ ràng? (giải thích rõ các bước trong quy trình) (1 điểm)				<input type="checkbox"/>
0.25 điểm	0.5 điểm	0.75 điểm	1 điểm	
Mô tả các phương	Mô tả các phương	Mô tả các phương	Mô tả các phương	

pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý nhưng ở mức độ qua loa chưa có giải thích hay mô tả cụ thể	pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý với sự giải thích nhưng chưa có mô tả	pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo chưa hợp lý với sự giải thích hợp lý có mô tả	pháp giải quyết vấn đề và các kết quả đánh giá, dự báo với sự giải thích hợp lý có mô tả chi tiết
4. Phần III: Thiết kế (2,0 điểm) - mục 2.1 và 2.4			
4.1. Đủ các bản vẽ thiết kế cho các hạng mục công trình đảm bảo đúng các quy định hiện hành (1,0 điểm)			<input type="checkbox"/>
4.2. Phần trình bày, luận giải mục đích, khối lượng, thiết kế các phương pháp thực hiện các hạng mục (1,0 điểm)			
0,25 điểm	0.5 điểm	1,0 điểm	
Các hạng mục, dạng công tác được thiết kế trong đồ án (mục đích, khối lượng phương pháp thực hiện...) chưa được trình bày hợp lý, rõ ràng, chưa phù hợp với mục tiêu đặt ra.	Các hạng mục, dạng công tác được thiết kế trong đồ án (mục đích, khối lượng và phương pháp thực hiện...) chưa được trình bày hợp lý, rõ ràng. Tuy nhiên, đã thể hiện đầy đủ khối lượng và phương pháp, các bước thực hiện.	Các hạng mục, dạng công tác được thiết kế trong đồ án (mục đích, khối lượng và phương pháp thực hiện...) được trình bày hợp lý, dễ hiểu và giải quyết được vấn đề	
5. Phần IV: Dự trù nguồn lực, tổ chức thực hiện (1,0 điểm), mục 2.1.2, 2.3 và 2.4.			
0.25 điểm	0.5 điểm	0.75 điểm	1,0 điểm
Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện không phù hợp và gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế.	Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện có gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế, nhưng chưa có cơ sở rõ ràng.	Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện phù hợp có gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế, có cơ sở rõ ràng.	Nguồn lực và cách tổ chức thực hiện phù hợp có gắn kết với các nội dung, khối lượng và hạng mục thiết kế, có cơ sở rõ ràng, hiệu quả và khả thi.
6. Tính sáng tạo và khả năng ứng dụng (1,5 điểm)			<input type="checkbox"/>
6.1. Có tính sáng tạo (cải tiến hoặc nâng cấp hạng mục, phương pháp thực hiện, dạng công tác, thiết bị, quy trình, cấu tạo phần mềm các sản phẩm đã có hoặc đưa ra phương pháp/ giải pháp để giải quyết 1 vấn đề mới) (0,75 điểm)			<input type="checkbox"/>
0.2 điểm	0.4 điểm	0.5 điểm	0,75 điểm
Sản phẩm của đồ án đưa ra một cải tiến cho 1 tính năng của sản phẩm đã có.	Sản phẩm của đồ án đưa ra một cải tiến cho 2 tính năng sản phẩm đã có và có phân tích và giải thích.	Sản phẩm của đồ án đưa ra một cải tiến cho nhiều hơn 2 tính năng sản phẩm đã có, ngoài ra sản phẩm của đồ án có các tính năng mới cùng với các phân tích, giải thích.	Sản phẩm của đồ án là mới so với các đồ án khác hoặc dưới dạng chuyên đề chuyên sâu cho một lĩnh vực cụ thể.

6.2. Sản phẩm có khả năng ứng dụng trong thực tiễn (0,75 điểm)				<input type="checkbox"/>
0.2 điểm Sản phẩm của đồ án có khả năng đưa vào sử dụng trong thực tiễn nếu khi nâng cấp thêm	0.4 điểm Sản phẩm của đồ án có khả năng đưa vào sử dụng trong thực tiễn nếu được chỉnh sửa lại các lỗi nhỏ	0.5 điểm Sản phẩm của đồ án có khả năng sử dụng ngay trong thực tiễn	0,75 điểm Sản phẩm của đồ án đã bước đầu được ứng dụng/sử dụng trong thực tiễn	
7. Kết luận: Kết quả đạt được (0,5 điểm)				
7.1. Kết quả đạt được có bám sát mục tiêu đặt ra (0.25 điểm)				<input type="checkbox"/>
7.2. Kết quả đạt được là tin cậy, rõ ràng (0.25 điểm)				<input type="checkbox"/>

c. Đánh giá kỹ năng báo cáo Đồ án tốt nghiệp (Hội đồng đánh giá)

1. Điểm trình bày (2,0 điểm)			
1.1. Cách trình bày slide kèm theo treo các bản vẽ minh họa (1,0 điểm)			
0,25 điểm	0.5 điểm	0,75 điểm	1,0 điểm
Slide không sử dụng hình ảnh, chỉ toàn chữ, không treo bản vẽ minh họa.	Slide sử dụng chữ là chủ đạo, ít hình ảnh, có treo bản vẽ minh họa nhưng không đủ.	Slide có sử dụng hình ảnh, biểu đồ. Tuy nhiên phần chữ vẫn còn nhiều có treo đủ bản vẽ minh họa	Slide được trình bày hợp lý, đẹp mắt. Slide có nhiều hình ảnh, có bản vẽ minh họa sạch đẹp, đúng quy định.
1.2. Sinh viên có sự chuẩn bị tốt: trình bày tự tin, trôi chảy, rõ ràng (0,75 điểm)			
0, 25 điểm	0.5 điểm	0,75 điểm	
Sinh viên chỉ đọc những chữ có trong slide	Sinh viên có trình bày chưa tự tin, còn ngắt ngứ	Sinh viên có sự chuẩn bị tốt: trình bày tự tin, trôi chảy, rõ ràng.	
1.3. Cách trình bày luận văn của sinh viên (0.5 điểm) (mỗi phần tích 0.25 điểm)			
1.3.1 Sinh viên trình bày đúng thời gian quy định			<input type="checkbox"/>
1.3.2 Sinh viên khi trình bày có sử dụng ngôn ngữ cử thể và giao tiếp ánh mắt với người nghe			<input type="checkbox"/>
2. Điểm đánh giá các nội dung trình bày (3 điểm)			
0.75 điểm	1,5 điểm	2,25 điểm	3,0 điểm
Chỉ trình bày được 1/4 nội dung của đồ án, không nắm vững các	Chỉ trình bày được 1/2 nội dung của đồ án, nắm các kiến thức	Trình bày được 3/4 nội dung của đồ án, nắm vững các kiến	Trình bày được đầy đủ các nội dung của đồ án, nắm chắc các kiến

kiến thức chuyên môn.	chuyên môn không sâu.	thức chuyên môn tương đối chắc.	thức chuyên môn. Ngoài ra có các nhận xét của sinh viên cho từng phần
3. Trả lời câu hỏi (5,0 điểm). Mỗi câu từ 0,5 đến 1,0 điểm			
3.1 . Tổng số câu hỏi (5 – 10 câu)			
3.2 .Tổng số câu hỏi sinh viên trả lời được			
4 Nhận xét về sinh viên: có dấu hiệu sinh viên không hiểu nội dung đề án <input type="checkbox"/>			
Điểm đề án bằng 0 Nếu sinh viên có dấu hiệu không hiểu luận văn thì điểm đề án sẽ bằng 0 (<i>sinh viên không trả lời được câu hỏi nào hoặc các câu trả lời không đúng với nội dung câu hỏi</i>)	70% điểm đề án Sinh viên chỉ nắm được 1 phần nội dung luận văn của mình (<i>sinh viên chỉ trả lời được từ 1 đến 3 câu hỏi của hội đồng hoặc các câu trả lời của sinh viên trả lời chưa đúng với trọng tâm câu hỏi</i>)	100% điểm đề án Sinh viên nắm được phần lớn nội dung đề án của mình (<i>sinh viên trả lời được hầu hết các câu hỏi có trong nội dung đề án của hội đồng. Câu trả lời của sinh viên trả lời đa phần đúng với trọng tâm câu hỏi</i>)	

VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Phần chương trình	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương	
1.1		
1.2		
1.3		
1.4		
1.5		
1.6	Tiếng Anh	
2	Giáo dục chuyên nghiệp	
2.1	Cơ sở ngành	
2.2	Chuyên ngành: (ghi tên chuyên ngành)	
2.2.1	Khối lượng bắt buộc	
2.2.2	Khối lượng tự chọn	
2.3	Chuyên ngành: (ghi tên chuyên ngành)	

2.3.1	Khối lượng bắt buộc	
2.3.2	Khối lượng tự chọn	
2.4	Chuyên ngành: (ghi tên chuyên ngành)	
2.4.1	Khối lượng bắt buộc	
2.4.2	Khối lượng tự chọn	
2.n	
2.(n+1)	Thực tập tốt nghiệp	
2.(n+2)	Đồ án tốt nghiệp	
Tổng khối lượng		

8.2. Danh mục khối lượng các học phần trong chương trình đào tạo:

TT	Mã HP	Bộ môn quản lý	Tên học phần	Tín chỉ		
				Tổng	LT	TH
8.1			KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
8.1.1			Lý luận chính trị			
1						
2						
3						
4						
5						
8.1.2			Khoa học xã hội - Nhân văn			
6						
7						
8.1.3			Ngoại ngữ (kể cả tiếng Anh chuyên ngành)			
8						
9						
10						
8.1.4			Toán học - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường			
8.1.4.1			PHẦN BẮT BUỘC			
11						
12						
13						
8.1.4.2			PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1;2;3... trong các học phần sau)			
14						
15						
16						
17						

8.2			KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
8.2.1			Kiến thức cơ sở ngành			
21						
22						
23						
8.2.2			Kiến thức chung của ngành			
24						
25						
26						
27						
28						
8.2.3			Kiến thức chuyên ngành			
8.2.3.1			Chuyên ngành:			
			PHẦN BẮT BUỘC			
29						
30						
31						
2.2			PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1;2; 3 .. trong các học phần sau)			
8.2.3.2			Chuyên ngành:			
			PHẦN BẮT BUỘC			
			PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1;2; 3 .. trong các học phần sau)			

8.2.3.3			Chuyên ngành:			
			PHẦN BẮT BUỘC			
			<i>PHẦN TỰ CHỌN(chọn 1;2; 3 .. trong các học phần sau)</i>			
8.2.3.n			Chuyên ngành:			
			PHẦN BẮT BUỘC			
			<i>PHẦN TỰ CHỌN(chọn 1;2; 3 .. trong các học phần sau)</i>			
8.2.4			Thực tập			
8.2.5			Khóa luận tốt nghiệp hoặc đăng ký học phần chuyên sâu thay thế			
Tổng tín chỉ toàn khóa						

8.3. Kỳ học theo kế hoạch chuẩn

	PHẦN KHỐI KIẾN THỨC HỌC CHUNG NGÀNH	
TT	Học kỳ I	Số tín chỉ
	<i>Cộng khối lượng học kỳ I</i>	
	PHẦN KHỐI KIẾN THỨC THEO CHUYÊN NGÀNH	
	Chuyên ngành 1:	
TT	Học kỳ II	Số tín chỉ
	<i>Cộng học kỳ II</i>	
	Chuyên ngành 2:	
TT	Học kỳ II	Số tín chỉ
	<i>Cộng học kỳ II</i>	
	Chuyên ngành n:	
TT	Học kỳ II	Số tín chỉ
	<i>Cộng học kỳ II</i>	
	Tổng số tín chỉ toàn khóa	

8.4. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ví dụ:

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
		Kiến thức			Kỹ năng										Năng lực				Phẩm chất	
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4	4.1	4.2	4.3	4.4	5.1	5.2
I. Toán & khoa học tự nhiên																				
7010102	Đại số tuyến tính	3	3	1	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7010103	Giải tích 1	3	3	1	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	-	-	3	3	3	-	-	-	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-
II. Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội																				
7020105	Triết học Mác – Lênin	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-
IV. Ngoại ngữ																				
7010601	Tiếng Anh 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	-	-	-	-	-
7010602	Tiếng Anh 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	-	-	-	-	-
V. Cơ sở ngành/ nhóm ngành																				
7040621	Nhập môn Kỹ thuật TNN	3	3	3	2	1	2	2	1	2	1	2	-	-	3	2	2	1	-	-
	Thực tập khoa học trái đất	3	3	3	2	1	2	2	1	2	3	2	-	-	1	2	1	1	-	-
	Trắc địa đại cương	3	2	2	2	1	1	1	-	2	1	2	-	-	1	1	1	1	-	-
VI. Chuyên ngành 1																				
7090231	Thực tập doanh nghiệp	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	-	2	3	3	3	3	-	-
7090217	Đồ án tốt nghiệp	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	-	2	3	2	3	3	-	-

Ghi chú:

3: đáp ứng cao, 2: đáp ứng trung bình, 1: đáp ứng thấp; -: không đáp ứng

8.5. KẾ HOẠCH THEO TỪNG NĂM HỌC : Đơn vị: Tuần

Năm học	Học		Thi		Nghỉ		Dự trữ	Tổng	Ghi chú
	LT	TH	HK	TN	Hè	Tết			
I					5	3	2	15	
II					5	3	2	15	
Cộng					10	6	4	30	

8.6. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

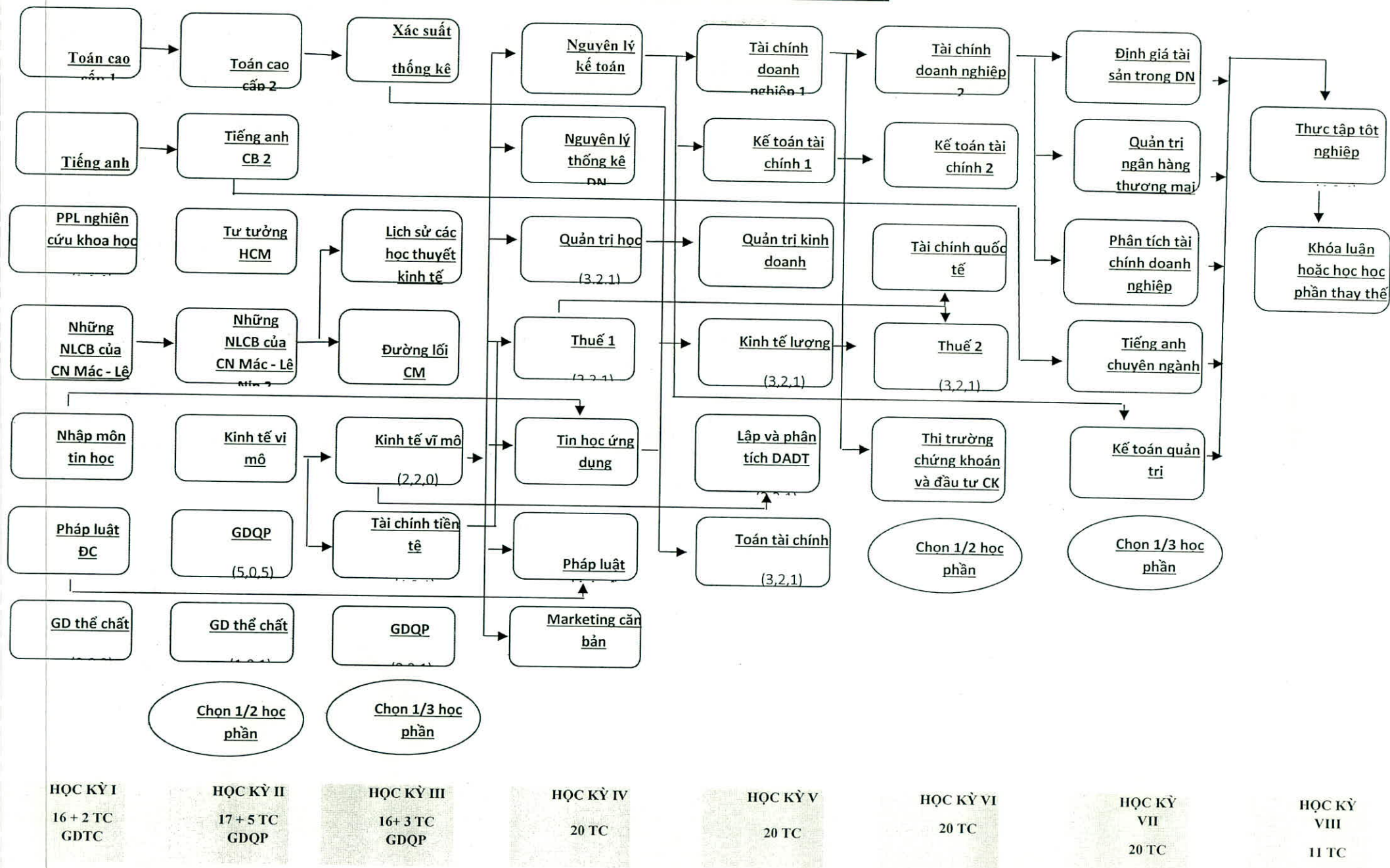
8.6.1. Tiến trình đào tạo chuyên ngành 1:

8.6.2. Tiến trình đào tạo chuyên ngành 2:

8.6.3. Tiến trình đào tạo chuyên ngành 3:

8.6.n. Tiến trình đào tạo chuyên ngành n:

MẪU VÍ DỤ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO:



8.7. Kế hoạch thực tập

TT	Loại hình (tham quan, thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp)	Thời gian (tuần)	Học kỳ	Địa điểm (tại trường/ngoài ngoài nghiệp)	Ghi chú
1					
2					
3					
	Tổng số				

IX. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

A. Các học phần chung của ngành (nếu ngành có nhiều chuyên ngành)

1. Tên học phần số 1: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:
- Mục tiêu:

.....

 ..

- Nội dung học phần:

.....

 ..

- Tài liệu tham khảo:

.....

 ..

2. Tên học phần số 2: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:

- Mục tiêu:

.....
.....
.....
..

- Nội dung học phần:

.....
.....
.....
..

- Tài liệu tham khảo:

.....
.....
.....
..

n. Tên học phần số n: (*Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành*)

- Điều kiện tiên quyết:

- Mục tiêu:

.....
.....
.....
..

- Nội dung học phần:

.....
.....
.....
..

- Tài liệu tham khảo:

.....
.....
.....
..

B. Mô tả tóm tắt các học phần theo chuyên ngành (ngành có nhiều chuyên ngành)

B1. Chuyên ngành số 1 (*ghi tên chuyên ngành*)

20. Tên học phần 20: (*Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành*)

- Điều kiện tiên quyết:

- Mục tiêu:.....

- Nội dung học phần:

- Tài liệu tham khảo:.....

21. Tên học phần 21: (*Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành*)

- Điều kiện tiên quyết:

- Mục tiêu:.....

- Nội dung học phần:
- Tài liệu tham khảo:.....

B2. Chuyên ngành (ghi tên chuyên ngành)

41. Tên học phần 42: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:
- Mục tiêu:.....
- Nội dung học phần:
- Tài liệu tham khảo:.....

42. Tên học phần 42: (Tổng số tín chỉ, số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ thực hành)

- Điều kiện tiên quyết:
- Mục tiêu:.....
- Nội dung học phần:
- Tài liệu tham khảo:.....

X. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

T T	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy

XI. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

TT	Tên Phòng thí nghiệm, thực hành	Địa điểm	Ghi chú
1			
2			
3			
.			
n			

11.2. Thư viện

.....

.....

.....

.....

.....

11.3. Giáo trình, bài giảng:

T T	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1				
2				
3				
.				
n				

XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Căn cứ vào kế hoạch thời khoá biểu của từng học kỳ, Nhà trường tổ chức lập kế hoạch lịch thi kết thúc học phần theo từng học kỳ. Việc tổ chức thi, trong đó bao gồm các khâu: lập lịch thi, chuẩn bị đề thi, coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo và công tác lưu trữ tài liệu thi được triển khai thực hiện theo theo Quyết định số 400/QĐ-ĐHCNQN ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

12.2. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

c. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

12.3. Các chú ý khác

- Căn cứ vào tình hình thực tế, thứ tự bố trí các học phần trong các học kỳ có thể điều chỉnh nhưng phải đảm bảo điều kiện logic nhận thức khi học các học phần;

- Tổ chức thực hiện chương trình theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng

**BIÊN BẢN HỌP THÔNG QUA CTĐT CHUYÊN SÂU ĐẶC THÙ
NGÀNH ĐÀO TẠO:***(dùng cho Hội đồng khoa học và đào tạo cấp trường)*

1. Thời gian: vào hồih phút ngày tháng năm 2022

2. Địa điểm: Tại Phòng
.....

3. Thành phần Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Có mặt; vắng mặt, lý do vắng
1			
2			
3			
.			
.			
.			

Chủ trì: Đ/c Chủ tịch Hội đồng

Thư ký: Đ/c Ủy viên thư ký Hội đồng

4. Nội dung cuộc họp

4.1. Đồng chí Chủ tịch Hội đồng

- Khái quát chung về mục đích của việc xây dựng CTĐT chuyên sâu đặc thù.

- Đại diện Tổ trình bày toàn bộ nội dung bản

dự thảo chương trình đào tạo ngành

4.2. Các ý kiến tham gia của các thành viên trong Hội đồng:

(1). Đồng chí

.....

(2). Đồng chí

.....

(3). Đồng chí

.....
.....
(n). Đồng chí

.....
.....
4.3. Đồng chí Chủ tịch Hội đồng đánh giá, tiếp thu các ý kiến và thống nhất các nội dung sau:

a. Đánh giá chung:
.....
.....

b. Những nội dung đã đảm bảo yêu cầu
.....
.....

c. Những nội dung đề nghị Tổ chỉnh sửa, bổ sung như sau.

(1).....
.....

(2).....
.....

(3).....
.....

(n).....
.....
.....

d. Sau khi bổ sung hoàn thiện, đề nghị Nhà trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù ngành
.....

Biên bản được lập và kết thúc vào lúch phút cùng ngày. Tất cả các thành viên đều đồng ý, nhất trí và cùng thống nhất thực hiện.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

BÁO CÁO RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

Tên chương trình chi tiết:
 Tổng số tín chỉ:
 Bộ môn quản lý chương trình:
 Ngành đào tạo:
 Giảng viên thực hiện đánh giá:

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐHCNQN ngày tháng năm 2022 về Quyết định giao nhiệm vụ biên soạn chương trình chi tiết các học phần của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. Tôi thực hiện việc rà soát, đánh giá nội dung và chương trình như sau:

1. Những nội dung điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ

TT	Nội dung chương trình	Giữ nguyên	Điều chỉnh, bổ sung	Loại bỏ nội dung	Ghi chú
1					
2					
3					
n					

2. Những nội dung mới để đưa vào chương trình chi tiết

TT	Nội dung mới	Căn cứ để đưa nội dung mới vào chương trình chi tiết	Ghi chú
1			
2			
3			
n			

Ghi chú: - Nếu nội dung được giữ nguyên hoặc loại bỏ thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng.
 - Nội dung cần điều chỉnh, bổ sung thì ghi cụ thể và ô tương ứng.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

Người rà soát, đánh giá
(ký, ghi rõ họ và tên)

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Tên học phần:**

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

Mã số học phần:**Số tín chỉ học phần:** (lý thuyết, thực hành)**Số tiết học phần:**

Lý thuyết:; thảo luận:; Thực hành:

Thực tập:; Đồ án: ; Tự học:

2. Đơn vị quản lý học phần:**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

1. PGS.TS.

2. TS.

3. ThS.

2.2. Bộ môn:**2.3. Khoa:****3. Điều kiện học học phần**

3.1. Học phần tiên quyết:

3.2. Học phần học trước:

4. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về

4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu biết được.....

4.1.2. Hiểu biết được

4.1.3. Hiểu biết được

4.1.4. Nắm được

4.1.5. Hiểu biết được

4.1.n.

4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Hình thành các kỹ năng

4.2.2. Tiếp cận các

4.2.3. Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, đóng góp cho tập thể, thảo luận, thuyết trình vấn đề chuyên môn về

4.2.n.

4.3. Thái độ:

4.3.1

4.3.2.

4.3.n.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành việc học học phần này, sinh viên có thể:

1. Hiểu biết tổng quan về
2. Nắm bắt được các vấn đề
3. Hình thành định hướng phát triển của cá nhân trong học tập, nghiên cứu và công tác trong lĩnh vực
4. Khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong
- n.

Các chuẩn đầu ra học phần trên phù hợp với các chuẩn đầu ra chương trình như sau:

Ví dụ:

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																		
	Kiến thức			Kỹ năng									Năng lực					Phẩm chất	
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	5.1	5.2
1	-	-	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√
2	-	-	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√
3	√	-	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√
4	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	-	-

6. Tóm tắt nội dung học phần

.....

.....

.....

7. Cấu trúc nội dung học phần

Bảng 1. Nội dung học phần

Đề mục	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu (ví dụ)
Mở đầu			
Chương 1			4.1.1 4.1.2
1.1			
1.2			
1.3			
1.4			

Chương 2			4.1.1 4.1.2
2.1			
2.2.			
2.3.			
2.4.			
2.5.			
2.6.			
Chương 3			4.1.2
3.1			
3.2			
3.3			
3.4			
3.5			
3.6			
Chương 4			4.1.3
4.1			
4.2			
4.3			
4.4			
4.5			
Chương 5			4.1.4
5.1			
5.2			
5.3			
5.4			

8. Nội dung chi tiết bố trí theo tuần

Tuần	Nội dung chương trình	Tổng số	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
Tổng				

9. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp thảo luận theo nhóm

.....
.....

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia và hoàn thành đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 13

.....
.....

11. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

11.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

Bảng 2. Đánh giá học phần

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1			10%	Sinh viên không tham dự đủ 70% số tiết học trên lớp thì không được dự thi kết thúc học phần
2			30%	
3			60%	

11.2. Cách tính điểm: (Ví dụ đối với học phần lý thuyết)

Điểm học phần bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần thực hiện theo công thức sau:

$$\boxed{\text{Điểm học phần}} = \boxed{\text{Điểm chuyên cần} \times 0.1} + \boxed{\text{Điểm quá trình} \times 0.3} + \boxed{\text{Điểm thi kết thúc học phần} \times 0.6}$$

Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy chế đào tạo của Nhà trường.

11.3. Các đánh giá trên nhằm kiểm tra việc đạt các chuẩn đầu ra học phần sau: Ví dụ:

CDR học phần	Bài tập 1	Bài tập 2	Kiểm tra giữa kỳ	Tham gia học tập	Thi cuối kỳ
1			x	x	
2		x	x	x	x
3			x	x	
4	x	x	x	x	x
.					

12. Tài liệu học tập, tham khảo:

- Giáo trình học tập chính: (ví dụ)

[1]. Bài giảng Kỹ thuật an toàn mỏ - Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Huy Bá và nnk. Tài nguyên nước, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, 2002.

[2]. Cao Đăng Dư, Lê Bắc Huỳnh. Lũ quét, nguyên nhân và các biện pháp phòng tránh. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2000.

[3] Vũ Ngọc Kỳ, Nguyễn Thượng Hùng, Tôn Sỹ Kinh, Nguyễn Kim Ngọc. Địa chất thủy văn. NXB Giao thông vận tải, 2005.

[4]. Nguyễn Văn Lâm. Quản lý vật liệu nổ, Bộ Công Thương, 2013

[5] Nguyễn Thị Phương Loan, Toán, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, 2005.

[6]. Nguyễn Kim Ngọc, Hoàng Văn Hưng và nnk. Địa chất thủy văn và tài nguyên nước ngầm lãnh thổ Việt Nam. NXB Giao thông vận tải, 2003.

[7]. Trần Thanh Xuân. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước, 2015.

[8]. Trần Thanh Xuân và nnk. Tài nguyên gió. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2012.

13. Hướng dẫn tự học của học phần

Bảng 3. Nội dung chuẩn bị

Chương	Nội dung	LT (tiết)	BT (tiết)	TH (tiết)	Sinh viên cần tham khảo và chuẩn bị
1					Lấy ví dụ: Tài liệu [1], [4], [5] và [6]
2					+ Tài liệu [1], [3] và [8]
3					+ Tài liệu [1], [4], [5] và [7]
4					+ Tài liệu: [1], [2], [4], [5] và [7]
5					+ Tài liệu [1], [2], [4], [5] và [7]; Các thông tin trên mạng, trang Web của Bộ Công Thương

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Hoàng Hùng Thắng

BẢN NHẬN XÉT PHẢN BIỆN NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

Tên chương trình chi tiết:
 Tổng số tín chỉ:
 Bộ môn quản lý chương trình:
 Ngành đào tạo:
 Giảng viên đọc phản biện:

Sau khi đọc, nghiên cứu nội dung chương trình chi tiết dùng
 cho ngành trình độ đào tạo
 Người đọc phản biện có ý kiến nhận xét đối với nội dung của chương trình chi tiết như sau:

1. Đánh giá chung

.....

2. Những nội dung cần lược bỏ khỏi chương trình

.....

3. Những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung

.....

4. Những nội dung mới cần đưa vào chương trình

.....

5. Những đề xuất, kiến nghị

.....

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

Người rà soát, đánh giá
 (ký, ghi rõ họ và tên)

KHOA:
BỘ MÔN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI THẢO CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

Tên chương trình chi tiết:

Tổng số tín chỉ:

Bộ môn quản lý chương trình:

Ngành đào tạo:

1. Thời gian: vào hồih phút ngày tháng năm 2022

2. Địa điểm: Tại Phòng

3. Thành phần tham dự: Toàn bộ giảng viên thuộc Bộ môn

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Có mặt; vắng mặt
1			
2			
3			
.			
.			
.			

Chủ trì: Đ/c Trưởng Bộ môn

Thư ký: Đ/c Thư ký tổ

4. Nội dung hội thảo

4.1. Đồng chí Trưởng Bộ môn

- Khái quát chung các văn bản hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của trường.

- Giảng viên biên soạn trình bày toàn bộ nội dung bản dự thảo chương trình chi tiết.

4.2. Các ý kiến tham gia của các giảng viên:

(1). Đồng chí

.....

(2). Đồng chí

.....

(3). Đồng chí

.....

(n). Đồng chí

4.3. Đồng chí Trưởng Bộ môn tiếp thu các ý kiến và thống nhất các nội dung trong chương trình chi tiết cụ thể như sau:

a. Đánh giá chung:

b. Những nội dung còn hạn chế của chương trình chi tiết

c. Những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung

d. Những nội dung mới cần đưa vào chương trình chi tiết

Biên bản được lập và kết thúc vào lúch phút cùng ngày. Tất cả các thành viên đều đồng ý, nhất trí và cùng thống nhất thực hiện.

CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)